



VIETFUND  
MANAGEMENT

# VFB

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**  
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

# NỘI DUNG

---

Thông tin tóm tắt về Quỹ	3
Phát biểu của Tổng giám đốc Công ty VFM	4
Tổng quan tình hình kinh tế & thị trường chứng khoán	6
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ</b>	
Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	12
Điểm tài chính nổi bật	14
Báo cáo hoạt động Quỹ	15
<b>Báo cáo NAV</b>	<b>15</b>
<b>Hoạt động đầu tư</b>	<b>16</b>
Hoạt động đầu tư trái phiếu	
Hoạt động bán & mua lại trái phiếu	
<b>Phân bổ tài sản</b>	<b>17</b>
Tỉ trọng giá trị trái phiếu/NAV	
Tỉ trọng tài sản tại thời điểm 31/12/2013	
<b>Giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVFB</b>	<b>18</b>
Biến động CCQ VFMVFB giai đoạn 10/6/2013 đến 31/12/2013	
Biến động CCQ VFMVFB qua các kỳ giao dịch	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>19</b>
<b>Biến động vốn</b>	<b>19</b>
Ban Đại diện Quỹ & Hoạt động Ban Đại diện Quỹ	20
<b>CÔNG TY VIETFUND MANAGEMENT (VFM)</b>	
Giới thiệu công ty VFM và một số hoạt động năm 2013	22
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	25
Đại lý phân phối	26
Sản phẩm & dịch vụ	28
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>32</b>

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư	<p><i>Tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.</i></p>
Tiền tệ	Đồng Việt Nam
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý chuyển nhượng	Deutsche Bank AG HCM
Đại lý phân phối	HSC, KIS, VCSC, VDSC, VFM, FPT5
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)
Mức độ rủi ro	Rất thấp
Mức tham chiếu đánh giá kết quả đầu tư	Biến động lãi suất của TPCP kỳ hạn 1 năm

# PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VFM



**VIETFUND**

**MANAGEMENT**





Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Năm 2013, với những chính sách vĩ mô đúng hướng và tích cực, kinh tế Việt Nam đã dần ổn định nhằm đảm bảo an sinh xã hội và bước đầu tiến hành tái cấu trúc lại nền kinh tế. Lạm phát giảm mạnh từ 18% năm 2011 xuống mức hơn 6% năm 2013; tỷ giá VNĐ/USD tương đối ổn định; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư tới 2 tỷ USD; dự trữ ngoại hối tăng mạnh.

Năm 2014, theo dự báo, kinh tế thế giới sẽ sáng sủa hơn với những gói kích thích kinh tế mạnh mẽ của Mỹ, tạo động lực thúc đẩy kinh tế châu Âu và các nước phát triển từng bước thoát khỏi khó khăn. Do vậy, kinh tế thế giới năm 2014 được nhận định sẽ tăng trưởng 3,5%, tốt hơn năm 2013 (2,9%). Đối với Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã thể hiện rõ quyết tâm tái cấu trúc, đổi mới chính sách, thể chế để tạo niềm tin của thị trường. Tháng đầu tiên của năm 2014, thị trường khởi sắc với những phiên tăng điểm tích cực của VN-Index và HNX-Index, nhà đầu tư mong đợi kết quả tích cực từ báo cáo kinh doanh năm 2013 của các doanh nghiệp, đặc biệt nhóm cổ phiếu Blue-chips, kỳ vọng việc nâng tỷ lệ sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài đang là những tín hiệu tích cực đối với thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014.

Đối với ngành quản lý quỹ, khung pháp lý cho các loại hình quỹ mới như quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục (ETF), công ty đầu tư chứng khoán đã được ban hành. Hiện nay, đã có 10 quỹ mở được UBCKNN cấp phép chào bán, thành lập. Đây là tiền đề để thu hút vốn trong và ngoài nước nhằm tăng sức cầu của thị trường. UBCKNN, các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán đang triển khai xây dựng hệ thống giao dịch các sản phẩm mới để đưa vào vận hành trong thời gian tới. Bộ Tài chính hiện cũng đang triển khai quỹ hưu trí tự nguyện nhằm tạo điều kiện bổ sung hệ thống an sinh, đồng thời tăng cường nhà đầu tư có tổ chức với vốn dài hạn cho TTCK.

Trong năm qua, với chiến lược đảm bảo mục tiêu bảo toàn giá trị hiện có của các quỹ, cùng với chủ trương tiến hành việc chuyển đổi các quỹ đóng sang quỹ mở cho phù hợp với xu hướng thị trường, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, công ty VFM đã tích cực chủ động thanh lý các khoản đầu tư kém thanh khoản, tái cơ cấu danh mục, đảm bảo quyền lợi tối ưu của nhà đầu tư.

Mặc dù mô hình quỹ mở đã trở thành xu hướng đầu tư phổ biến ở thị trường các nước đã và đang phát triển, nhưng vẫn còn mới mẻ và đầy thách thức với TTCK Việt Nam. Chính vì thế, công ty VFM đang nỗ lực trong hoạt động tái cơ cấu nguồn nhân lực, đổi mới tư duy làm việc, tích cực phối hợp với các đối tác cung cấp dịch vụ bao gồm các đại lý phân phối, ngân hàng cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát và đại lý chuyển nhượng để tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư trong các hoạt động giao dịch quỹ mở như việc tăng tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ, mở rộng hệ thống phân phối chứng chỉ quỹ mở.... Ngoài ra, chúng tôi cũng tích cực vận động sự ủng hộ của các cơ quan quản lý cũng như các đơn vị cùng ngành trong việc tăng cường hoạt động tra đổi, phổ biến kiến thức quỹ mở cũng như cập nhật thông tin các quỹ đến các nhà đầu tư tốt hơn thông qua các phương tiện truyền thông.

Chúng ta cùng hy vọng sự phục hồi ổn định từ nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự chia sẻ, đồng hành từ quý nhà đầu tư để đem đến kết quả tốt nhất cho quý.

Trân trọng,

**Trần Thanh Tân**  
Tổng giám đốc

# KINH TẾ VĨ MÔ

## HỒI PHỤC CHO GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG MỚI

Sau nhiều bất ổn trong giai đoạn 2010-2011 và khó khăn kéo dài trong năm 2012, kinh tế Việt Nam đã thực sự có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2013, làm tăng niềm tin vào sự phục hồi và khả năng bắt đầu của một chu kỳ tăng trưởng mới.

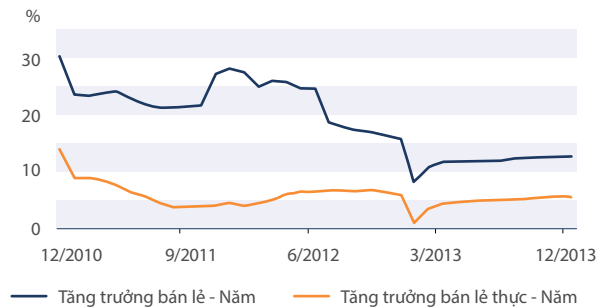
### GDP & Sản xuất công nghiệp hồi phục

Nhờ hướng đi đúng của chính sách tiền tệ và các điều chỉnh chính sách tích cực, nền kinh tế đã được cải thiện về tính ổn định và phục hồi tăng trưởng. Theo đó, GDP tăng 5,4% trong 2013, khá quan so với 5% của năm 2012.

Mức tăng trưởng này nhờ vào sự hồi phục của sản xuất công nghiệp và dịch vụ với mức tăng lần lượt 5,4% và 6,6%. Thêm vào đó, xu hướng tăng trưởng của GDP khá tốt với Quý IV tăng mạnh 6,0% so với 5,54%, 5%, và 4,76% của ba quý trước đó.

Hoạt động sản xuất có xu hướng mở rộng và hồi phục tốt hơn vào 4 tháng cuối năm. Theo đó, chỉ số nhà mua hàng (PMI) do HSBC công bố cho thấy chỉ số của tháng 12 đạt 51,8 điểm, cao nhất từ tháng 4/2011. Chỉ số này duy trì ở mức cao hơn 50 trong 4 tháng cuối năm liên tục, chỉ dấu của việc mở rộng của sản xuất.

Với hiệu quả của các đợt cắt giảm lãi suất và các gói hỗ trợ khác cho nền kinh tế, sản xuất đã thực sự cải thiện dần và theo chiều hướng tích cực. Thêm vào đó, sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam (Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản) đã thúc đẩy sản xuất trong nước và được dự báo sẽ tiếp tục hỗ trợ kinh tế trong năm 2014.

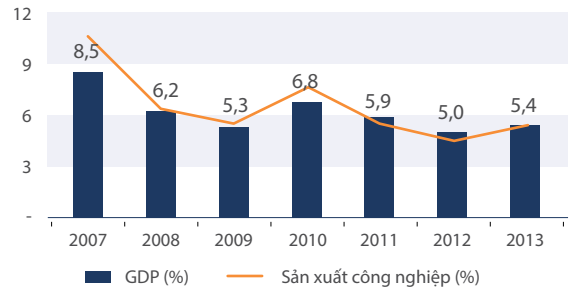


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

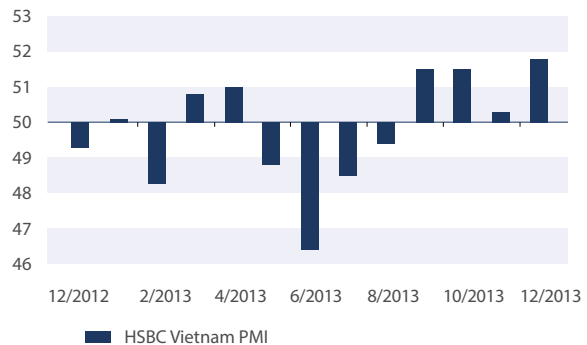
### Lạm phát thấp nhất 10 năm

Lạm phát ổn định hơn trong ba tháng cuối năm sau khi tăng mạnh vào tháng 9 với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 tăng 0,51% so với tháng trước, đưa chỉ số này tăng lên 6,04% so với cuối năm 2012. Việc kiểm chế lạm phát đã có ảnh hưởng tích cực đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện niềm tin vào tiền đồng, và giữ vững tỷ giá hối đoái.

Xu hướng lạm phát thế giới vẫn sẽ thấp trong những tháng đầu năm 2014. Tuy nhiên, lạm phát ở Việt Nam sẽ chịu nhiều ảnh hưởng của những yếu tố trong nước hơn: thay đổi của chính sách tài khoá, điều chỉnh giá các nhiên liệu và điện theo giá thị trường. Do đó, ước tính lạm phát ở khoảng 6%-7% trong năm 2014.



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

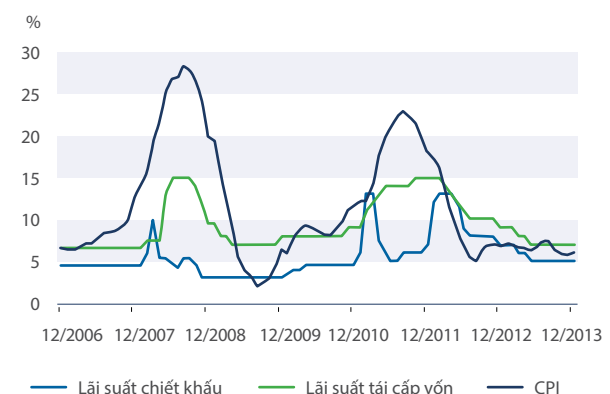


Nguồn: Markit

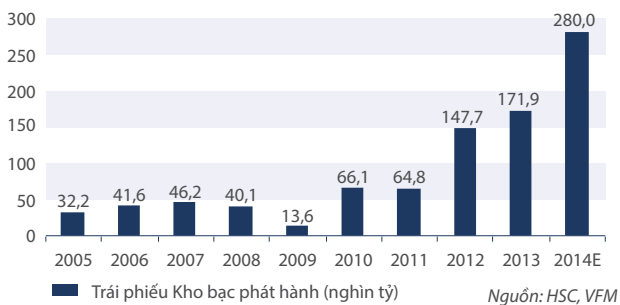
### Xu hướng bán lẻ hàng hóa tích cực

Tăng trưởng bán lẻ đang trong xu hướng tăng nhẹ từ tháng 3/2013, sau khi suy giảm mạnh từ cuối năm 2012. Nếu điều chỉnh cho lạm phát, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 5,6%, thấp hơn so với 6,0% của cùng kỳ năm 2012 nhưng xu hướng đang trở nên tích cực hơn từ đầu năm 2013.

Với việc lạm phát tiếp tục được kiểm soát và kinh tế dần phục hồi, bán lẻ hàng hóa và tiêu thụ trong nước được dự báo sẽ cải thiện đáng kể trong năm 2014.



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê



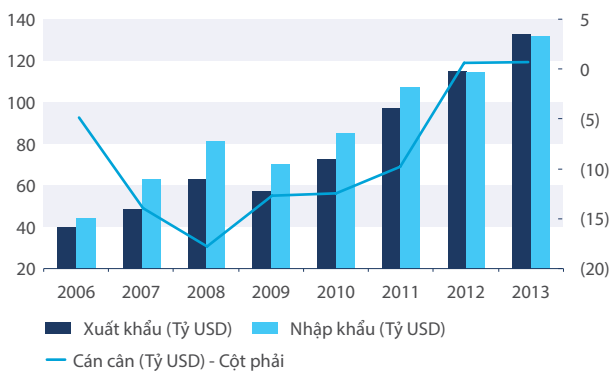
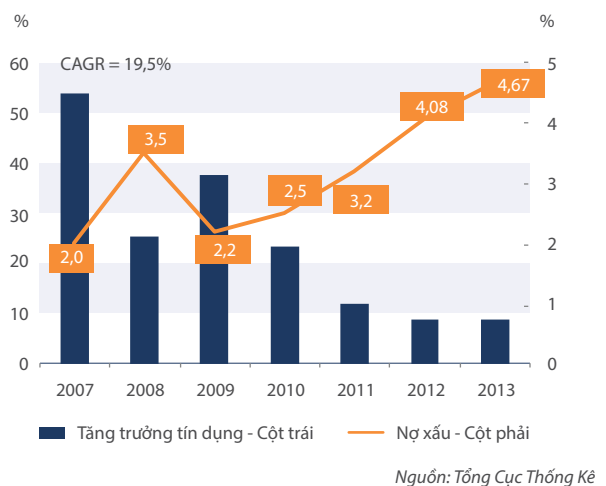
### Tín dụng tăng trưởng khả quan và nợ xấu đang dần được cơ cấu

Tín dụng tăng trưởng tốt hơn trong Quý IV sau khi tăng chậm vào đầu năm do ngân hàng lo ngại rủi ro hơn, nhu cầu thấp, và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao. Cho vay đến cuối năm 2013 tăng 8,8% sau khi giảm nhẹ trong hai tháng đầu năm. Tuy mức này không đạt mong đợi 12% từ đầu năm, đây là mức tăng trưởng khá tốt trong điều kiện kinh tế vẫn chưa có nhiều biến chuyển mạnh.

Với xu hướng lãi suất cho vay đã giảm xuống mức bình quân 12% so với 15% của cuối năm 2012 và hoạt động sản xuất đang dần mở rộng, tín dụng có xu hướng sẽ tăng tốt trong năm 2014, ước tính 12%-14%. Trong khi đó, nợ xấu đang được các ngân hàng xử lý và cơ cấu lại thông qua VAMC.

### Đầu tư cho tăng trưởng trở lại

Tổng đầu tư toàn xã hội đang ở mức thấp nhất trong 12 năm qua, đạt 30,4% GDP vào năm 2012, dẫn đến mức tăng trưởng thấp trong 3 năm gần đây. Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng với kế hoạch phát hành thêm 170 nghìn tỷ cho các dự án quốc lộ và hạ tầng quan trọng khác trong khoảng thời gian 2014-2016. Thêm vào đó, vốn FDI tăng mạnh và sản xuất trong nước quay trở lại trong bối cảnh lãi suất giảm sẽ thúc đẩy đầu tư nhân trở lại. Đây là sẽ nguồn lực tăng thêm tiếp sức cho tăng trưởng kinh tế trong trung hạn.



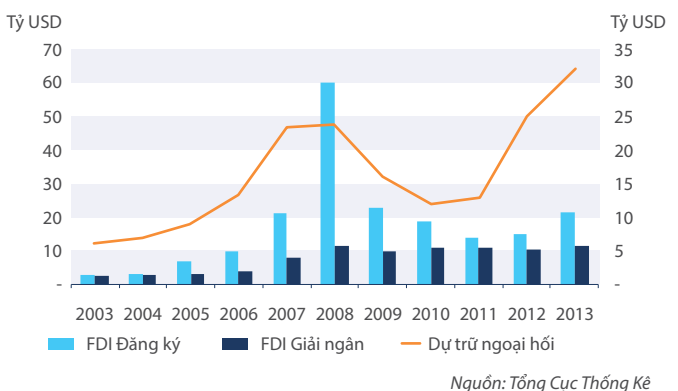
### Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng và tỷ giá ổn định

Xuất khẩu nổi lên như một điểm sáng của kinh tế 2012 và tiếp tục trong năm 2013. Theo đó, xuất khẩu đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4%. Nhờ vào việc thu hút và giải ngân vốn FDI trong nhiều năm, doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục là trụ cột của xuất khẩu, đem lại 2/3 giá trị xuất khẩu và tăng 22,4%, bỏ xa khu vực trong nước với mức tăng khiêm tốn 3,5%.

Thặng dư thương mại đạt 900 triệu USD. Cán cân thanh toán tốt trong năm 2012 và 2013 đã giúp tăng dự trữ ngoại hối lên hơn 32 tỷ USD từ mức 20 tỷ USD cuối 2012. Nhờ đó, tỷ giá được ổn định suốt năm 2013 và có xu hướng tiếp tục ổn định trong 2014.

### Đầu tư nước ngoài tăng cao

Trong 6 năm gần đây, dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh và thực hiện, góp phần lớn cho kết quả xuất khẩu ấn tượng và tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, cơ cấu FDI cải thiện tích cực theo hướng hơn 85% vốn đăng ký vào các doanh nghiệp chế tạo và sản xuất, thay vì vào các dự án bất động sản và giải trí như trước đây. Việc nền kinh tế phục hồi, khả năng gia nhập TPP, và hấp dẫn của thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục xu hướng thu hút vốn trực tiếp FDI và vốn đầu tư gián tiếp FII trong thời gian tới. Điều này tiếp tục giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định tỷ giá, và phát triển thị trường vốn trong nước.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Năm 2013 là năm tăng trưởng khá tốt của thị trường chứng khoán. Theo đó, VN-Index tăng 21,97%, tổng giá trị giao dịch đạt gần 261 ngàn tỷ đồng, tăng 19%, và tổng khối lượng giao dịch đạt gần 16.200 triệu cổ phiếu, tăng 15% so với quy mô giao dịch năm 2012.

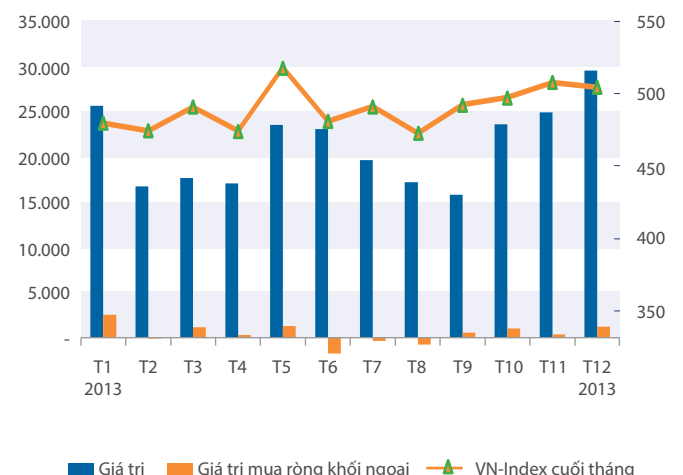
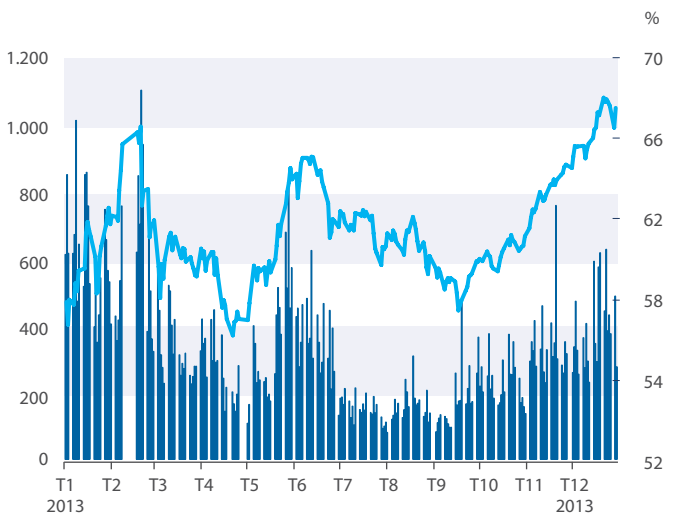
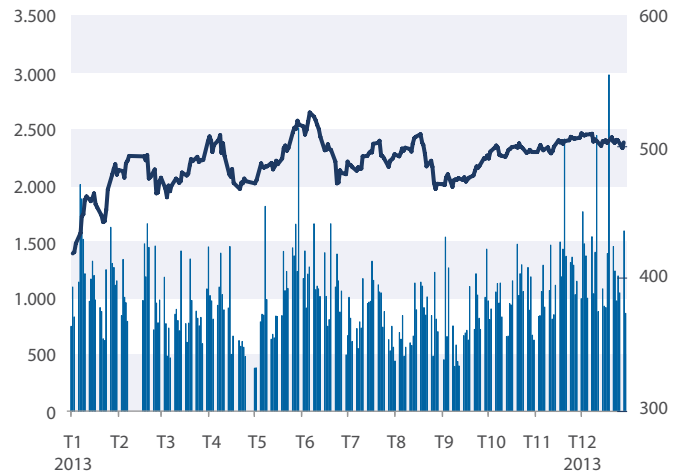
Trong năm 2013, VN-Index có thời điểm đạt mốc 533 điểm, tức tăng gần 30% so với cuối năm 2012. Kết thúc 2013, mức vốn hóa của thị trường đạt 965 ngàn tỷ đồng, tăng gần 200 ngàn tỷ đồng so với cuối 2012 và tương đương 31% GDP. Các số liệu này phản ánh niềm tin và sự lạc quan của nhà đầu tư trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều dấu hiệu cải thiện tích cực, hoạt động sản xuất tăng trở lại, và kênh đầu tư cổ phiếu hấp dẫn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp niêm yết mở rộng hoạt động với lượng cổ phiếu tăng thêm 2,82 tỷ, nâng lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn lên 26,87 tỷ, cao nhất từ trước đến nay.

HNX-Index tăng 18,83%, tổng giá trị giao dịch đạt 82 ngàn tỷ đồng, giảm 25%, và tổng khối lượng giao dịch đạt 10.574 triệu cổ phiếu, giảm 13% so với quy mô giao dịch năm 2012. Trong năm 2013, HNX-Index có thời điểm đạt mốc 69 điểm, tăng gần 21% so với cuối năm 2012. Có nhiều doanh nghiệp phải hủy niêm yết trên sàn này nhưng số lượng cổ phiếu niêm yết cuối năm 2013 vẫn đạt hơn 8,73 tỷ, tăng 98 triệu cổ phiếu so với cuối năm 2012.

Tuy có những tháng nhà đầu tư bán ròng nhưng nhìn chung xu hướng mua ròng vẫn là chủ đạo. Khối nước ngoài mua ròng 8 tháng trong khi chỉ bán ròng 4 tháng còn lại cụ thể là tháng 2, 6, 7, 8 khi nhà đầu tư rút tiền khỏi các thị trường mới nổi do lo lắng Cục Dự Trữ Liên Bang Hoa Kỳ giảm gói kích thích QE3. Hoạt động của các quỹ ETF đã ảnh hưởng lớn đến giao dịch của khối ngoại. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài đã đổ tiền vào mạnh với giá trị mua ròng đạt 5.510 tỷ đồng, tăng gần 66% giá trị mua ròng so với năm 2012. Khối ngoại vẫn thích mua những cổ phiếu thuộc nhóm blue-chips (MSN là cổ phiếu được khối ngoại mua ròng mạnh nhất, đạt 967 tỷ đồng). Tiếp sau đó 3 cổ phiếu HPG, VCF và GAS đều được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên 800 tỷ đồng. Chiều ngược lại, HAG bị họ bán mạnh nhất, đạt -731 tỷ đồng, CTG -590 tỷ đồng. Xu hướng mua ròng cho thấy nhà đầu tư nước ngoài đã lạc quan hơn vào nền kinh tế vĩ mô nói chung và hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam. Thêm vào đó, việc chính phủ đang xem xét việc nới lỏng sở hữu nước ngoài cũng đã hấp dẫn khối ngoại đổ tiền vào thị trường Việt Nam.

Đóng góp mạnh vào mức tăng 21,97% của VN-Index trong 2013 gồm GAS tăng 7,4%, VNM tăng 5,5%, HPG và PVD tăng 1,1%, VIC 1%. Trong khi đó, nhóm kéo VN-Index xuống nhiều nhất gồm MSN giảm -1,2%, EIB -0,5%, PVF -0,3%, CTG và ALP -0,1%.

Xét về dao động giá của ngành, cổ phiếu các ngành tăng giá mạnh gồm có: sản phẩm cá nhân và gia đình +117,6%, năng lượng +111,4%, dịch vụ thương mại & tư vấn +89,7%, tiện ích công cộng +81,2%, dệt may & thiết bị tiêu dùng +77,2%. Trong khi đó, những ngành có cổ phiếu giảm giá gồm có: phần mềm & dịch vụ phần mềm -8,2%, ngân hàng -0,5%.



# TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

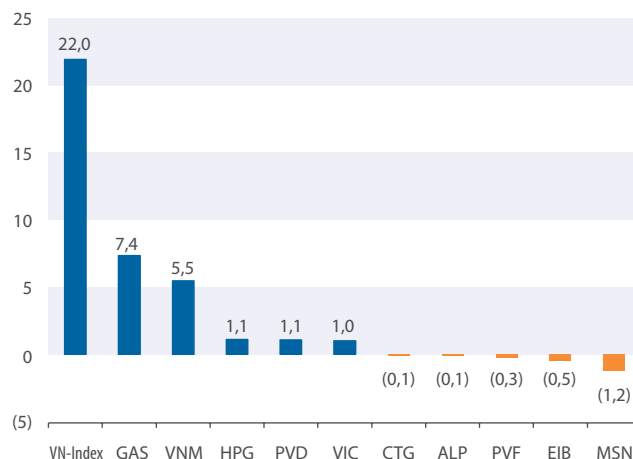
Thị trường năm 2014 mở đầu bằng chuỗi phiên tăng điểm mạnh mẽ trong tháng một. Nhân tố chính tạo nên chuỗi tăng điểm đó là dòng tiền của khối ngoại đổ vào thị trường Việt Nam thông qua đầu tư vào các cổ phiếu có vốn hóa lớn. Xu hướng đầu tư vào thị trường cổ phiếu của khối ngoại có xu hướng tiếp tục mạnh mẽ trong năm 2014 khi nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi, lợi nhuận doanh nghiệp tăng trưởng, định giá của thị trường Việt Nam hấp dẫn so với các thị trường khu vực. Thêm vào đó, khả năng Việt Nam gia nhập Hiệp Định Đối Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và nới lỏng trần sở hữu của nước ngoài sẽ là những sự kiện có tác động tích cực thu hút vốn nước ngoài. Theo đó, các cổ phiếu có thanh khoản tốt, vốn hóa lớn hay định giá hợp lý sẽ là những cổ phiếu yêu thích của khối ngoại.

Đối với nhà đầu tư trong nước, khi các kênh đầu tư khác đang thể hiện sự hạn chế trong khả năng sinh lời như vàng, tiền gửi tiết kiệm hay bất động sản thì kênh đầu tư cổ phiếu thực sự trở nên hấp dẫn hơn. Xu hướng các kênh đầu tư khác kém hấp dẫn hơn kênh đầu tư cổ phiếu có thể lặp lại trong năm 2014 khi chính phủ kiểm chế lạm phát ổn định, lãi suất thấp, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết tăng bền vững hơn.

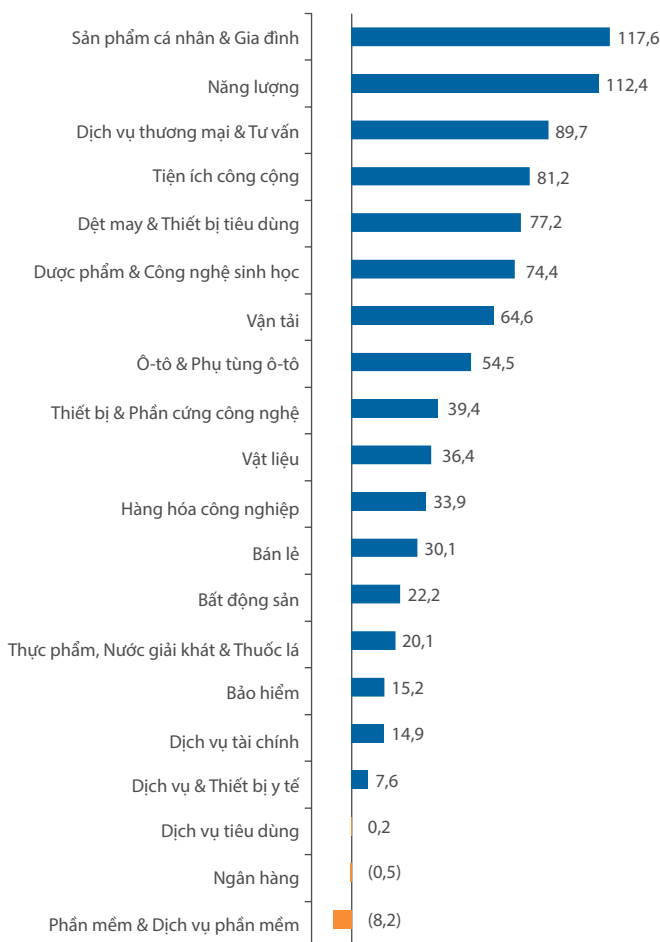
Năm 2014 có thể sẽ là năm đầu tiên đi từ đáy suy thoái lên của nền kinh tế Việt Nam. Do vậy, còn nhiều khó khăn ở trước mắt đối với nền kinh tế, cụ thể là việc xử lý như thế nào đối với nợ xấu mà VAMC đã mua và tiếp tục mua trong năm 2014. Nếu VAMC hoạt động trôi chảy, bán tài sản theo mức giá hợp lý cho cả bên ngân hàng và người mua nợ xấu thì sẽ khơi thông được dòng chảy của tín dụng, của dòng tiền cũng như các hoạt động kinh tế khác của nền kinh tế Việt Nam, qua đó, giúp kinh tế vượt qua những khó khăn còn lại. Do vậy, dấu hỏi của sự phục hồi vững chắc là khả năng xử lý nợ xấu của VAMC trong thời gian tới. Chúng tôi hy vọng rằng với sự năng động của VAMC như trong vài tháng cuối năm 2013 khi mua mạnh nợ xấu sẽ giúp họ xử lý suôn sẻ việc bán nợ xấu trong 2014.

Khi nền kinh tế phục hồi, những ngành sản xuất sẽ là ngành được quan tâm trước tiên khi đầu tư. Trong cả năm 2013, sự tăng trưởng của các ngành sản xuất trên thị trường chứng khoán đã cho thấy sự đi trước của thị trường khi thấy dấu hiệu của sự phục hồi nền kinh tế. Tiếp theo sự phục hồi của các ngành sản xuất, các ngành bất động sản, ngân hàng-tài chính sẽ có khả năng phục hồi theo sau.

## Tác động một số cổ phiếu lên VN-Index (%)



## Thay đổi giá các ngành năm 2013 (%)

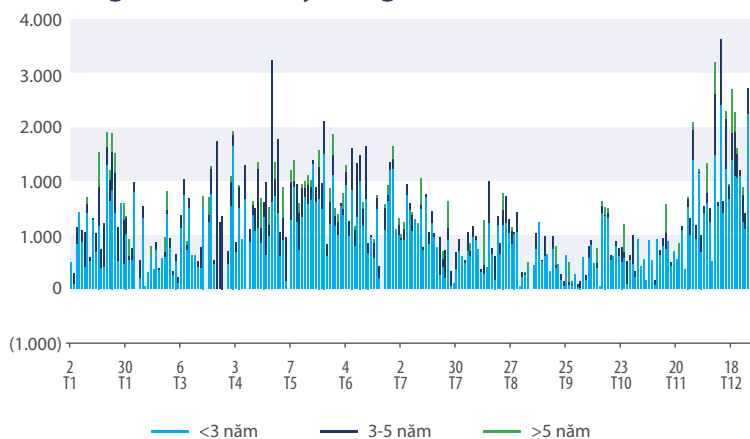


# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

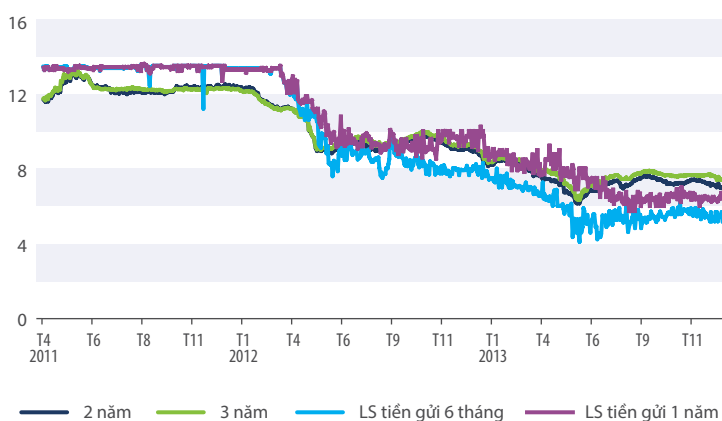
Sự ổn định của nền kinh tế và nhu cầu đầu tư của cả chính phủ và khối các ngân hàng là nguyên nhân chính cho sự tăng trưởng mạnh của thị trường trái phiếu trong năm 2013. Thị trường giao dịch sơ cấp và thứ cấp trái phiếu chính phủ (TPCP) và chính phủ bảo lãnh (CPBL) đều ghi nhận các phát triển mạnh mẽ về giá trị. Trên thị trường sơ cấp, giá trị TPCP và CPBL được phát hành là 227.941 tỷ đồng tăng 35% so với 2012. Tổng giá trị giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp 2013 đạt tới 323.210 tỷ đồng tăng 100,9% so với 2012 và 232,8% so với năm 2011. Giá trị giao dịch bình quân một phiên trên thị trường thứ cấp đạt 1.680 tỷ đồng tăng 100,1% so với 2012. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận lượng phát hành mới lên tới trên 40 nghìn tỷ đồng lập một kỷ lục mới về tăng trưởng. Trong năm 2013 quy mô thị trường trái phiếu tăng trưởng 18,8% so với năm 2012, là tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á.

Sau giai đoạn dài biến động bất thường về lãi suất, đường cong lãi suất đã trở lại bình thường. Lãi suất các kỳ hạn đã có các sự phân biệt phù hợp và tuân thủ theo các quy luật thông thường. Lãi suất trái phiếu sau một khoảng thời gian dài thấp hơn lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dài đã bắt đầu cao hơn trở lại từ giữa năm 2013. Diễn biến này là tất yếu trong hoàn cảnh nền kinh tế đang bình ổn trở lại. Năm 2013 cũng chứng kiến xu hướng suy giảm của lợi suất trái phiếu các kỳ hạn. Các biến động trên thị trường năm 2013 cho thấy lãi suất trái phiếu các kỳ hạn chịu tác động lớn của cung cầu trên thị trường và biến động của thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó việc lạm phát được kiểm soát cũng góp phần ổn định cho thị trường lãi suất. Các yếu tố này sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2014 tới lãi suất và giao dịch trái phiếu trên thị trường.

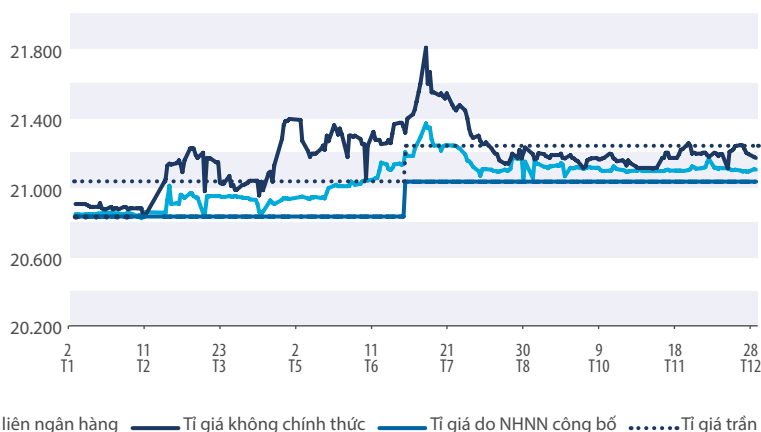
**Giá trị giao dịch trái phiếu các kỳ hạn hàng ngày trong năm 2013 (Tỷ đồng)**



**Biến động lãi suất trái phiếu và lãi suất tiền gửi giai đoạn 2011-2013 (%)**



**Tỉ giá giữa VNĐ và USD năm 2013 (Đồng)**





# TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Tổng giá trị thị trường trái phiếu năm 2013 đạt 24,3% GDP (năm 2012 là 21,6%). Dự kiến giá trị thị trường sẽ đạt 38% GDP năm 2020 (trong đó giá trị thị trường trái phiếu chính phủ sẽ là 22% GDP) tương ứng mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 8%. Tuy nhiên, các diễn biến cho thấy thị trường trái phiếu sẽ có tốc độ phát triển nhanh hơn trong các năm 2014 và 2015 do tác động của nhu cầu vốn đầu tư của chính phủ và từ cơ cấu kỳ hạn của các trái phiếu đang lưu hành. Các thay đổi về hệ thống giao dịch và hệ thống thông tin giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã góp phần đáng kể cho việc gia tăng giá trị giao dịch trong năm 2013. Các cơ sở cho sự phát triển của thị trường trái phiếu sẽ tiếp tục được ghi nhận trong năm 2014 với việc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội công bố các chỉ số giao dịch trái phiếu và đường cong lãi suất chuẩn.

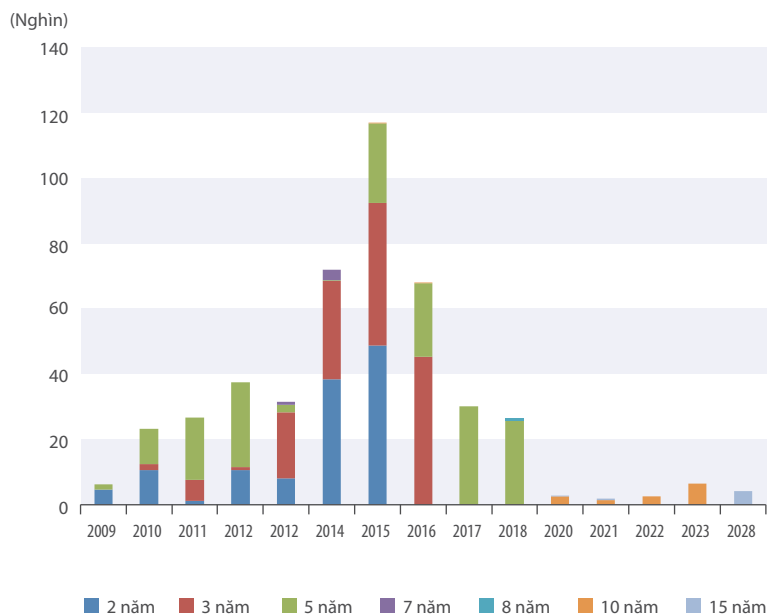
Với quy mô phát hành sơ cấp 210 nghìn tỷ TPCP đã được công bố cho năm 2014, sức ép phát hành mới TPCP là không quá lớn. Với nhu cầu đầu tư mới và yêu cầu mua hoá đổi các trái phiếu đáo hạn trong danh mục, nhu cầu đối với TPCP vẫn hiện hữu đối với hệ thống ngân hàng và là động lực cho giao dịch sôi động của thị trường thứ cấp. Các yếu tố về vĩ mô bao gồm ổn định tỷ giá giữa VNĐ và USD, ổn định của giá hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng cho TPCP Việt Nam trong xu hướng suy giảm, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp so với các năm trước là động lực cho việc phát triển của thị trường trái phiếu. Bên cạnh đó, biến động của chênh lệch lãi suất các kỳ hạn và động lãi suất trái phiếu dưới tác động của nhu cầu thị trường và khối lượng đáo hạn của các kỳ hạn (tăng mạnh trong năm 2014 và 2015) sẽ tạo điều kiện cho các quỹ trái phiếu tìm kiếm cơ hội đầu tư.

Các chuyển động hiện tại cho thấy thị trường trái phiếu nói chung và thị trường TPCP nói riêng sẽ tiếp tục có sự phát triển mạnh trên các góc độ về quy mô thị trường, hạ tầng và sản phẩm cũng như các đối tượng tham gia thị trường trong giai đoạn 2014-2016.

## Biến động giá hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng cho trái phiếu Chính phủ Việt Nam năm 2011 – 2013



## Giá trị trái phiếu đáo hạn các kỳ hạn giai đoạn 2009-2028 (Tỷ đồng)



# PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM







Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Thị trường trái phiếu trong năm 2013 đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận về khuôn khổ pháp lý, quy mô thị trường và hạ tầng kỹ thuật. Trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, giá trị phát hành mới và giao dịch trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính phủ bảo lãnh đạt mức tăng trưởng 35% và 100,9% so với năm 2012. Trong năm 2013, quy mô thị trường trái phiếu tăng trưởng 18,8% so với năm 2012, là tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á.

Là một trong những quỹ đầu tư dạng mở đầu tư vào trái phiếu đầu tiên trên TTCKVN, với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ dựa trên chiến lược đầu tư trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp, Quỹ đầu tư trái phiếu VFMVFB trong thời gian đầu hoạt động tập trung đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Bên cạnh đó, Quỹ VFMVFB cũng năng động trong việc tìm hiểu, nghiên cứu việc đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh.

Kết thúc năm 2013, gần 6 tháng kể từ ngày hoạt động, Quỹ VFMVFB bước đầu đạt được những kết quả, giá trị tài sản ròng (NAV) trên chứng chỉ quỹ tăng lên 10.253,01 đồng tương đương mức tăng trưởng 2,53%.

Bước sang năm 2014, thị trường trái phiếu Việt Nam đón nhận nhiều thông tin tích cực từ các cơ quan quản lý đặc biệt là việc phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đến năm 2020, bao gồm các giải pháp về khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, phát triển thị trường sơ cấp, thứ cấp, nhà đầu tư, các định chế trung gian và hạ tầng thị trường. Bên cạnh đó, Sở GDCK Hà Nội đã giới thiệu về kế hoạch xây dựng chỉ số trái phiếu chính phủ (Bond Index) và các bộ chỉ số trái phiếu khác như trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, chỉ số trái phiếu chuẩn, chỉ số trái phiếu thanh khoản.

Trong sự phát triển chung của thị trường, Quỹ đầu tư VFMVFB đã có những chính sách cải tiến hoạt động liên quan tới tần suất giao dịch (1 lần/tuần kể từ tháng 2/2014), giá trị góp vốn tối thiểu, số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản... để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc giao dịch của nhà đầu tư vào quỹ. Mặt khác, Quỹ VFMVFB cũng tích cực phân tích và tận dụng những cơ hội từ sự phát triển của thị trường trái phiếu nói chung và chiến lược đầu tư của quỹ nói riêng.

Thay mặt Ban Đại diện quỹ và Ban điều hành Quỹ đầu tư VFMVFB, chúng tôi chân thành cảm ơn Quý nhà đầu tư đã tin tưởng, ủng hộ trong những hành trình đầy thử thách đầu tiên của quỹ và mong tiếp tục nhận được sự đóng góp, chia sẻ và đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để Quỹ đầu tư VFMVFB tiếp tục phát triển và lớn mạnh.

Trân trọng,

**Nguyễn Bội Hồng Lê**  
Chủ tịch Ban Đại diện quỹ

# ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	Từ 10/6/2013 đến 31/12/2013
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	99.574.822.600
Giá trị tài sản ròng tại 31/12/2013 (tỷ đồng)	73.265.782.705
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ tại 31/12/2013 (đồng)	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ cao nhất từ khi hoạt động (đồng)	10.253,01
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất từ khi hoạt động (đồng)(*)	9.369,3
Chi phí hoạt động quỹ (% giá trị tài sản ròng bình quân)**	2,49
Vòng quay danh mục đầu tư (%)(***)	221,56
Tăng trưởng lũy kế từ khi bắt đầu hoạt động (%)	2,53

## Ghi chú:

Quỹ VFMVFB bắt đầu hoạt động từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

(\*) Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất từ khi hoạt động không phản ánh chính xác giá trị thực tế trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (ngày 9/8/2013) do việc định giá trái phiếu đang nắm giữ trong danh mục tại thời điểm nên trên được thực hiện theo giá giao dịch bất thường trên thị trường tuân thủ theo các quy định tại sổ tay định giá của quỹ. Tuy nhiên giá giao dịch sử dụng để định giá không phản ánh đúng mặt bằng giá thị trường của trái phiếu tại thời điểm định giá do tác động bất thường của tính chất giao dịch. Sau ngày 1 tháng 11 năm 2013, điều khoản về định giá trái phiếu trong Sổ tay định giá Quỹ VFMVFB đã được Ban Đại diện quỹ sửa đổi để đảm bảo loại trừ trường hợp nêu trên và phản ánh chính xác giá trị thị trường của các tài sản đầu tư.

(\*\*) Chi phí của quỹ nếu không tính chi phí bất thường để tổ chức đại hội thành lập quỹ theo luật định sẽ là 2,43% NAV, Chi phí đại hội thành lập sẽ không phát sinh trong các năm tiếp theo.

(\*\*\*) Vòng quay của quỹ trong giai đoạn từ 10/6/2013 cho tới 31/12/2013 là 221,56% cho thấy quỹ đã tuân thủ chiến lược đầu tư năng động với việc tăng cường mua và thanh toán các trái phiếu đầu tư tại các thời điểm phù hợp để tìm kiếm lợi nhuận cho quỹ.

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUỸ

## BÁO CÁO NAV

### Biến động NAV trên CCQ và tổng NAV của quỹ



Trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu hoạt động (10/6/2013) đến 31/12/2013, giá trị tài sản ròng (NAV) trên chứng chỉ quỹ tăng từ 10.000,25 đồng lên 10.253,01 đồng tương đương mức tăng trưởng 2,53%. Với mức tăng trưởng này, mức tăng trưởng NAV trên chứng chỉ quỹ dự phóng cho cả năm (annualized return) tương đương 4,5%. Trong kỳ, NAV trên của quỹ có hai thời điểm biến động bất thường vào các ngày định giá 9/8 và 27/9 với mức suy giảm NAV trên chứng chỉ quỹ so với các kỳ định giá liền trước đó ở mức 5,34% và 4,55%. Việc suy giảm NAV này do tác động của việc xuất hiện các giao dịch bất thường trên thị trường của các trái phiếu Quỹ VFMVFB đang nắm giữ, các giao dịch này có giá giao dịch khác biệt lớn so với mặt bằng giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm nêu trên. Tuy nhiên, do các giao dịch với mức giá biến động nêu trên là giao dịch duy nhất trên thị trường nên tuân thủ theo quy định tại Sổ tay định giá các mức giá bất thường đã được sử dụng để định giá cho trái phiếu của quỹ. Nhằm khắc phục tình trạng nêu trên, Ban Đại diện quỹ đã tiến hành sửa đổi các quy định tại Sổ tay định giá để loại bỏ tác động của các giao dịch bất thường (ví dụ như các giao dịch bán và mua lại nhưng được thực hiện dưới hình thức hai giao dịch mua bán trực tiếp) đến việc định giá tài sản là trái phiếu của Quỹ VFMVFB. Việc sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/10/2013. Tăng trưởng NAV của quỹ được đóng góp chủ yếu từ lãi trái phiếu và lãi từ tiền gửi. Hoạt động mua bán trái phiếu trong kỳ chưa mang lại lợi nhuận.

Tại thời điểm bắt đầu hoạt động, tổng giá trị tài sản của quỹ là 99.577.400.262 đồng. Trong kỳ, tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đã có sự thay đổi theo xu hướng giảm và đạt giá trị tới thời điểm 31/12/2013 là 73.265.782.705 đồng. Nguyên nhân của sự suy giảm tổng tài sản của quỹ, mặc dù hoạt động đầu tư làm gia tăng giá trị cho quỹ, chủ yếu do việc mua lại chứng chỉ quỹ nhiều hơn số lượng bán ra. Trong giai đoạn nêu trên, quỹ đã mua lại tổng cộng quỹ 5.457.733,86 chứng chỉ quỹ và phát hành 2.646.031,89 với tổng giá trị mua lại là 54.577.338.600 đồng và giá trị phát hành chứng chỉ quỹ mới là 26.460.318.900 đồng.

# HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## Hoạt động đầu tư trái phiếu

Trong năm 2013, hoạt động đầu tư của Quý tập trung vào trái phiếu chính phủ. Việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp liên tục được xem xét, tuy nhiên do quy định Quỹ VFMVFB chỉ được phép đầu tư trái phiếu doanh nghiệp niêm yết nên trong năm đã không xuất hiện các trái phiếu phù hợp. Việc đầu tư trái phiếu chính phủ bảo lãnh cũng được cân nhắc, tuy nhiên nhằm duy trì tính thanh khoản của danh mục việc đầu tư được thực hiện tập trung vào trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 2 và 3 năm là các kỳ hạn có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường.

Tỷ trọng trái phiếu chính phủ trong danh mục giai đoạn từ 10/6/2013 tới 31/12/2013 được duy trì ở mức từ 32% tới 95% giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong kỳ, Quý đã thực hiện việc đầu tư trái phiếu chính phủ kỳ hạn 2 năm từ tháng 7/2013, nắm giữ sau đó thanh toán toàn bộ trái phiếu kỳ hạn này trong tháng 12. Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 3 năm được bắt đầu đầu tư trong tháng 12 trong bối cảnh xu hướng đi xuống của lợi suất kỳ hạn 3 năm và chênh lệch lãi suất giữa kỳ hạn 2 năm và 3 năm được mở rộng.

Việc thực hiện đầu tư trong kỳ được thực hiện thông qua mua bán trên thị trường thứ cấp. Bên cạnh đó, Quỹ VFMVFB cũng đã thực hiện mua thông qua đấu giá trên thị trường sơ cấp.

Các trái phiếu đã đầu tư trong kỳ bao gồm:

STT	Mã trái phiếu	Loại trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất trái phiếu (%)	Ngày giao dịch mua	Ngày giao dịch bán	Thời gian nắm giữ (Năm)
1	TD1316013	TPCP	28/02/2013	28/02/2016	8,50	01/07/2013	07/11/2013	0,35
2	TD1316013	TPCP	28/02/2013	28/02/2016	8,50	04/07/2013	06/12/2013	0,42
3	TD1316019	TPCP	23/12/2013	31/10/2016	7,60	12/12/2013	N/A (*)	0,04

(\*) N/A: Trái phiếu này đang được nắm giữ vào thời điểm 31/12/2013.

Trong giai đoạn hoạt động của năm 2013, tổng giá trị giao dịch (mua-bán) trái phiếu của Quý là 214.350.743.835 đồng, tương đương 221,56% bình quân giá trị tài sản ròng của quỹ trong kỳ. Tỷ lệ vòng quay danh mục của Quỹ VFMVFB như trên cho thấy quỹ đã tuân thủ mục tiêu đầu tư năng động, tích cực giao dịch để tìm kiếm lợi nhuận.

## Hoạt động bán và mua lại trái phiếu

Với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho quý, trong giai đoạn từ 10/6/2013 tới 31/12/2013, Quý đã thực hiện việc bán có kỳ hạn và mua lại các trái phiếu đang nắm giữ. Tiền thu được từ việc bán trái phiếu đã được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Chênh lệch giữa chi phí cho hoạt động bán và mua lại và lãi thu được từ hoạt động gửi tiền là thu nhập cho quý.

Trong kỳ, Quý đã thực hiện việc mua và bán lại trái phiếu như sau:

STT	Mã trái phiếu	Giá trị (Đồng)	Ngày bán	Ngày mua lại	Số ngày thực hiện	Lãi suất trả cho bên mua trái phiếu (%)	Lãi suất gửi tiền tại ngân hàng (%)
1	TD1316013	30.000.000.000	11/7/2013	19/08/2013	39	3,50	7
2	TD1316013	80.000.000.000	28/8/2013	02/10/2013	35	5,10	7
3	TD1316013	50.000.000.000	09/10/2013	13/11/2013	35	4,85	7

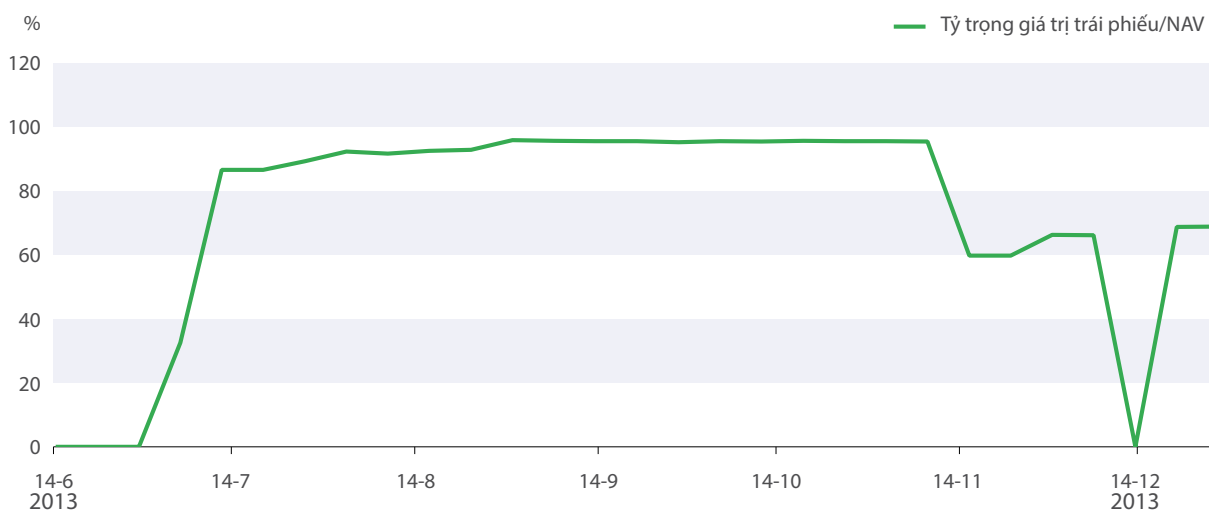
## Hoạt động gửi tiền

Trong giai đoạn từ 10/6/2013 tới 31/12/2013, Quỹ VFMVFB đã thực hiện hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện quỹ phê duyệt, bao gồm: Eximbank, HDBank, Techcombank, Deutsche Bank, BIDV với kỳ hạn phổ biến là 1 tháng và lãi suất tương ứng ở mức 7%/năm.

# PHÂN BỐ TÀI SẢN

Tài sản của quỹ trong kỳ bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ và tiền gửi. Biến động tỷ trọng của trái phiếu chính phủ trong tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFB trong kỳ như sau:

## Tỷ trọng giá trị trái phiếu/NAV



Tại thời điểm 31/12/2013, tài sản của Quỹ VFMVFB bao gồm 68,81% NAV trái phiếu chính phủ kỳ hạn 3 năm, 30,63% NAV tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, phần còn lại (0,56%) là các khoản phải thu từ lãi trái phiếu và tiền gửi sau khi đã trừ các khoản phải trả tại thời điểm nêu trên.

## Tỷ trọng tài sản tại thời điểm 31/12/2013 (%)

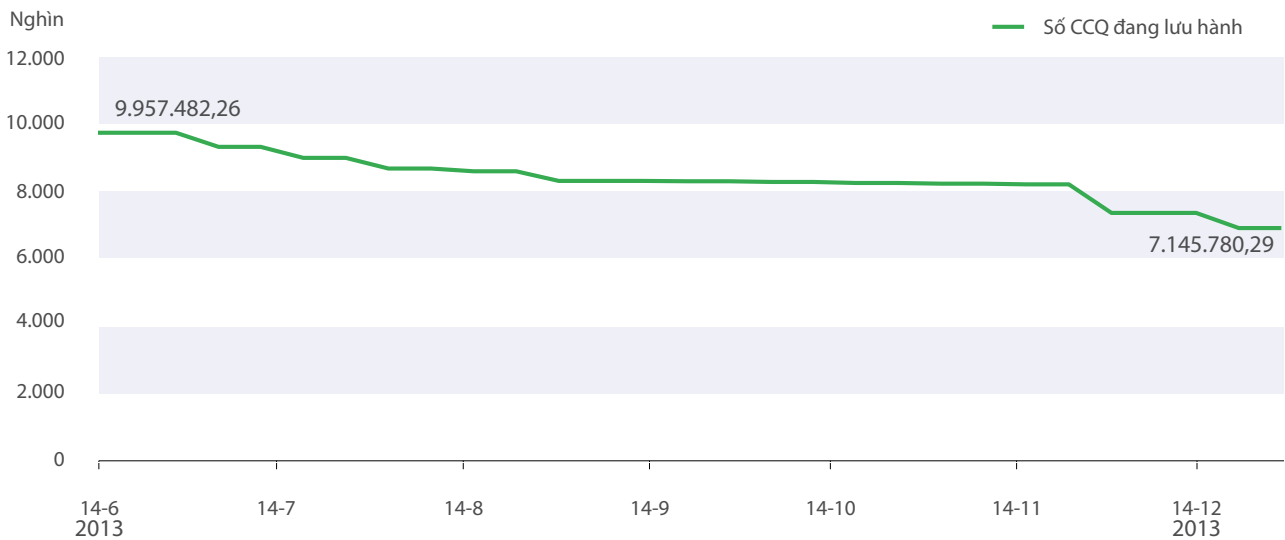


- Trái phiếu chính phủ (68,81)
- Tiền mặt và Tiền gửi ngân hàng (30,63)
- Lãi và các khoản phải thu trừ các khoản phải trả (0,56)

# GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VFMVFB

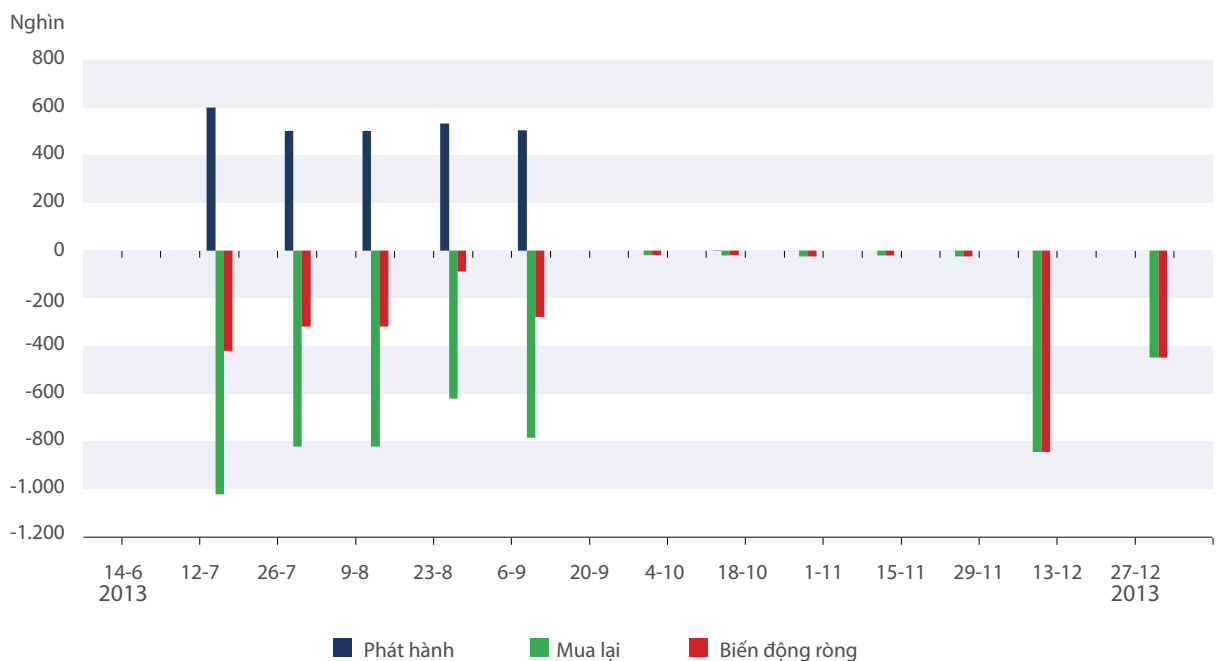
Tại thời điểm bắt đầu hoạt động ngày 10/6/2013, số chứng chỉ quỹ lưu hành là 9.957.482,26 chứng chỉ quỹ. Trong giai đoạn từ ngày 10/6/2013 tới 31/12/2013, quỹ đã phát hành 2.646.031,89 chứng chỉ quỹ và thực hiện mua lại 5.457.733,86 chứng chỉ quỹ. Tại thời điểm 31/12/2013, số lượng chứng chỉ quỹ biến động trong kỳ là 2.811.701,97 chứng chỉ quỹ và số chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 7.145.780,29 chứng chỉ quỹ.

## Biến động chứng chỉ quỹ VFMVFB giai đoạn 10/6/2013 đến 31/12/2013



Trong năm 2013, việc giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVFB tập trung vào tháng 7 tới đầu tháng 9. Trong giai đoạn từ cuối tháng 9 tới hết tháng 12/2013, không phát sinh việc phát hành chứng chỉ quỹ mới. Chi tiết biến động giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVFB qua các kỳ giao dịch trong năm như sau:

## Biến động chứng chỉ quỹ VFMVFB qua các kỳ giao dịch



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 10/6/2013 đến 31/12/2013 (Đồng)
Thu nhập từ lãi trái phiếu	2.885.479.452
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.378.622.776
Chênh lệch giá trái phiếu đã thực hiện	(871.515.069)
Chênh lệch giá trái phiếu chưa thực hiện	481.904.110
Thu nhập khác	9.069
<b>Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư</b>	<b>3.874.500.338</b>
Chi phí	(1.959.201.160)
<b>Lãi/lỗ ròng của quỹ</b>	<b>1.915.299.178</b>

## BIẾN ĐỘNG VỐN

	Từ 10/6/2013 đến 31/12/2013 (Đồng)
Vốn phát hành lần đầu	99.574.822.600
Vốn phát hành thêm chứng chỉ quỹ	26.460.318.900
Mua lại chứng chỉ quỹ	(54.577.338.600)
Vốn thặng dư từ việc phát hành chứng chỉ quỹ	(400.318.900)
Vốn thặng dư từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	292.999.527
Kết quả hoạt động chưa phân phối	1.915.299.178
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>73.579.207.714</b>
Các khoản phải trả tại 31/12/2013	(313.425.009)
<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ tại 31/12/2013</b>	<b>73.265.782.705</b>

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



**Bà Nguyễn Bội Hồng Lê**  
Chủ tịch

Chuyên gia Kinh tế  
và Quản lý Dầu khí  
Viện Dầu khí Việt Nam



**Ông Nguyễn Kiên Cường**  
Thành viên

Luật sư tư vấn cấp cao,  
tư vấn pháp lý  
Công ty QLQ Dragon Capital



**Bà Lê Thị Thu Hương**  
Thành viên

Phó Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Kiểm Toán Đại Tín

## HOẠT ĐỘNG BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Trong tình hình kinh tế vĩ mô năm 2013 đang trên đà khôi phục dẫn đặc biệt từ Quý II của năm 2013, Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) ra đời nhằm mục tiêu tận dụng cơ hội tìm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các chứng khoán nợ, Quỹ VFMVFB chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp phép huy động vốn vào ngày 27/2/2013 với tổng giá trị vốn huy động ban đầu là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng Việt Nam.

Trong cuộc họp Ban Đại diện đầu tiên của Quỹ đầu tư VFB tổ chức vào ngày 26/06/2013, các đại diện đã thông qua các nội dung chương trình Đại hội, thông qua báo cáo kết quả huy động vốn, kế hoạch đầu tư, trình duyệt Sổ tay định giá, tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các Ngân hàng thương mại và thông qua các cơ chế giao dịch thỏa thuận qua Sở giao dịch chứng khoán của Quỹ. Ngoài ra, trong nhiệm kỳ 2013-2016, Quỹ đầu tư VFMVFB cũng đã ổn định cơ cấu Ban Đại diện quỹ, các Quy chế hoạt động cũng như chế độ công tác phí của Ban Đại diện quỹ.

Sau 5 tháng đi vào hoạt động chính thức, VFMVFB đã có cuộc họp tiếp theo vào ngày 5/11/2013 để cùng nhìn lại quá trình hoạt động quý III và định hướng kế hoạch hoạt động Quý IV/2013 và Quý I/2014. Đồng thời, ngân sách dự kiến cho việc

thực hiện Báo cáo thường niên và Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2013 của quỹ cũng được đưa ra trình bày và phê duyệt trong kỳ họp này.

Trong quá trình hoạt động của Quỹ, để tạo căn cứ cho hoạt động đầu tư, Ban Đại diện Quỹ VFMVFB cũng có điều chỉnh Sổ tay định giá lần ba sau khi lấy ý kiến bằng văn bản với Nghị quyết ngày 03/10/2013.







V I E T F U N D  
M A N A G E M E N T

---

**10** Năm  
2003 - 2013

---

*Năng động - Hiệu quả*



## VIETFUND MANAGEMENT

**C**hặng đường phát triển 10 năm (2003-2013) của Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) được đánh dấu bằng cột mốc quan trọng ghi nhận nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và nhân viên công ty, đó chính là việc kết thúc 10 năm xây dựng và quản lý các sản phẩm quỹ đóng, mở ra một thời kỳ mới của chuỗi sản phẩm quỹ mở.

Là đơn vị luôn đi tiên phong trong các hoạt động nghiên cứu, huy động và quản lý các sản phẩm quỹ đầu tư trên thị trường tài chính Việt Nam, ngay khi Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở có hiệu lực vào ngày 16/12/2011, công ty VFM đã tiên phong lập quỹ mở, đồng thời lên kế hoạch và đã chuyển đổi thành công toàn bộ các sản phẩm quỹ đóng đang quản lý sang quỹ mở. Sau hơn 1 năm tiến hành các thủ tục và thực hiện các lộ trình cần thiết, nhờ vào sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, và đặc biệt là sự tin tưởng, ủng hộ tích cực của các nhà đầu tư. Trong năm 2013, công ty VFM đã vượt qua những thử thách đầu tiên và đạt được một số thành công bước đầu đáng ghi nhận.

- **18/04/2013: Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)** - Quỹ đóng đầu tiên trên thị trường được chuyển đổi thành quỹ mở và cũng là Quỹ mở đầu tiên đầu tư vào cổ phiếu trên TTCKVN, chính thức giao dịch vào ngày 26/04/2013.
- **10/06/2013: Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFB)** - Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu có vốn điều lệ lớn nhất được thành lập.
- **08/10/2013: Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)** - Quỹ đóng có tổng vốn điều lệ lớn nhất thị trường chính thức chuyển đổi thành quỹ mở và giao dịch vào ngày 07/11/2013.
- **16/12/2013: Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)** - Quỹ đóng cuối cùng do công ty VFM quản lý được cấp phép chuyển đổi thành quỹ mở và giao dịch vào ngày 15/01/2014.

Với những hỗ trợ tích cực về mặt chuyên môn và phối hợp chặt chẽ trong hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm từ công ty mẹ là Dragon Capital Management - công ty quản lý quỹ nước ngoài lớn và giàu kinh nghiệm tại Việt Nam, trong thời gian tới, công ty VFM sẽ tích cực chủ động nghiên cứu và đầu tư cho việc ra đời các dòng sản phẩm quỹ mới, phù hợp với xu hướng chung của TTCK Việt Nam và thế giới, nắm bắt và đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của nhà đầu tư.

Xác định Quỹ mở chính là tương lai của ngành quản lý quỹ, công ty VFM sẵn sàng bước vào năm 2014 với những thử thách mới trong hoạt động quản lý quỹ mở, áp lực về thoái vốn, huy động vốn, đòi hỏi toàn bộ tập thể công ty VFM phải đổi mới tư duy trong hoạt động quản lý, tăng cường tính sáng tạo, chủ động hoạt động nghiên cứu, năng động, chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, tận tâm trong phục vụ nhà đầu tư.

# VFM – KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP



Ông Nguyễn Đoàn Hùng - Phó chủ tịch UBCKNN trao tặng Bằng khen cho tập thể công ty VFM

**Q**ua chặng đường 10 năm hình thành và phát triển (2003 – 2013), công ty VFM đã tự hào với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp phát triển ngành quản lý quỹ và thị trường chứng khoán Việt Nam: công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam; tiên phong cho ra đời nhiều sản phẩm quỹ nhất đến nhà đầu tư; có giá trị tài sản quản lý lớn và thu hút lượng đông đảo nhà đầu tư tham gia nhất; và cũng là công ty tiên phong cho ra đời sản phẩm quỹ theo hình thức quỹ mở và chuyển quỹ đóng sang quỹ mở. Ngày 28/08/2013, công ty VFM tổ chức buổi **Lễ kỷ niệm ngày thành lập** với sự tham dự của Đại diện UBCKNN, Sở GDCK Tp.HCM, Sở GDCK Hà Nội, các ban ngành liên quan, các nhà đầu tư, đối tác, các đơn vị báo đài cùng toàn thể các nhân viên đã và đang gắn bó với công ty VFM. Tập thể công ty VFM đã vinh dự nhận **Bằng khen cho những thành tích xuất sắc trong 10 năm hoạt động** do UBCKNN trao tặng.

10 năm cũng là thời điểm để công ty VFM tri ân những cống hiến, đóng góp đối với những thành quả mà cá nhân, tập thể đã xuất sắc đạt được trong suốt quá trình làm việc, đồng thời đặt ra những mục tiêu mới đưa con thuyền VFM tiếp tục vượt sóng tiến vào tương lai.



# HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

**T**ên phong trong hoạt động lập quỹ mở, chuyển toàn bộ các quỹ đóng do công ty đang quản lý sang quỹ mở, từng bước cải tiến và hoàn thiện quy trình hoạt động của quỹ mở chính là những cam kết mạnh mẽ trong nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho nhà đầu tư các quỹ của công ty VFM. Năm 2013, bên cạnh các đại hội nhà đầu tư được tổ chức để phục vụ cho việc chuyển đổi quỹ mở, công ty VFM thường xuyên gặp gỡ với các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước để trao đổi nhu cầu đầu tư, phổ biến kiến thức quỹ mở, cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, thị trường chứng khoán, hoạt động các quỹ đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư khi bước đầu triển khai mô hình hoạt động chứng chỉ quỹ mở.



Trong năm 2013, công ty VFM tích cực nghiên cứu để đưa vào sử dụng các dịch vụ nhằm nâng cao khả năng tương tác trong mọi hoạt động chăm sóc nhà đầu tư với phương châm nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Không dừng lại đó, để phù hợp với hình thức và đặc điểm hoạt động của các quỹ mở cũng như xu hướng truyền đạt và tiếp nhận thông tin, VFM đã từng bước cải tiến và phát triển hệ thống các báo cáo cung cấp thông tin nhiều nhất có thể đến các nhà đầu tư các quỹ. Ngoài ra, công ty VFM phát triển kênh thông tin E-marketing, cập nhật kết quả hoạt động quỹ định kỳ, cải tiến hộp thư [ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com) và [info@vinafund.com](mailto:info@vinafund.com) để làm cầu nối tăng cường trao đổi thông tin hai chiều giữa NĐT và công ty Quản lý quỹ.

Để nâng cao hiệu quả các hoạt động quan hệ nhà đầu tư, năm 2014, công ty VFM tiếp tục phối hợp với các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở triển khai:

- Định kỳ tổ chức các buổi hội thảo, phổ biến kiến thức quỹ mở, trao đổi với nhà đầu tư các quỹ, cung cấp trao đổi thông tin về quỹ đến nhà đầu tư.
- Nâng cấp tiện ích các kênh thông tin online (website, các kênh e-marketing...) để giúp nhà đầu tư truy xuất thông tin nhanh chóng, hiệu quả.
- Phối hợp với các đơn vị báo đài, các chuyên gia trong ngành tài chính chứng khoán thực hiện các chuyên đề, bài viết về chứng chỉ quỹ mở và các sản phẩm mới đến nhà đầu tư.

Sau đây là lịch tổ chức Đại hội thường niên các quỹ năm 2013:

Quỹ	Thời gian	Ngày tháng	Địa điểm
Quỹ đầu tư VF1	2:00 – 5:00 PM	Thứ Ba – 25/3/2014	Khách sạn Grand Saigon Số 8, Đồng Khởi, Q.1, Tp. HCM
Quỹ đầu tư VF4		Thứ Năm – 27/3/2014	
Quỹ đầu tư VFA	9:00 - 12:00 AM	Thứ Ba – 01/4/2014	Công ty VFM Lầu 17, tòa nhà Melinh Point, Số 2, Ngõ Đức Kế, Q.1, Tp. HCM
Quỹ đầu tư VFB		Thứ Tư – 02/4/2014	

# ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Khác với hình thức giao dịch trên sàn của quỹ đóng, chứng chỉ quỹ mở không niêm yết trên TTCK mà được giao dịch mua và bán trực tiếp giữa nhà đầu tư và Quỹ thông qua hệ thống đại lý phân phối chỉ định.

Vai trò và chức năng của đại lý phân phối nhằm tiếp nhận và tổng hợp các thông tin về nhà đầu tư, các lệnh giao dịch của nhà đầu tư và đảm bảo chuyển lệnh giao dịch của nhà đầu tư đến với công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác. Đại lý phân phối giúp duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.

Xác định được tầm quan trọng của Đại lý phân phối, công ty VFM chủ trương tăng cường mở rộng hệ thống đại lý phân phối với các công ty chứng khoán có uy tín trên TTCKVN. Để đảm bảo cho các Đại lý Phân phối nắm bắt được cách thức giao dịch, các quy trình cũng như hiểu rõ về các sản phẩm quỹ phân phối, công ty VFM thường xuyên tiến hành tập huấn với các môi giới của Đại lý Phân phối chỉ định thông qua các nội dung:

- Kiến thức về quỹ mở và cách thức giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Tập huấn về các sản phẩm quỹ mở;
- Cách thức tiếp nhận lệnh giao dịch từ khách hàng;
- Xử lý lệnh và kết nối với Đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (TA);
- Các chương trình về kiến thức bán hàng.

Bên cạnh các chương trình này, công ty VFM luôn giám sát các hoạt động tại Đại lý Phân phối nhằm đảm bảo mục tiêu chung và chất lượng của hệ thống phân phối.

Đến nay, công ty VFM đã triển khai hợp tác với hơn 10 đơn vị là các công ty chứng khoán làm Đại lý Phân phối chỉ định cho các sản phẩm quỹ mở, với hơn 15 điểm nhận lệnh giao dịch tại Hà Nội, Vinh và Tp. HCM. Bên cạnh đó, công ty VFM cũng đã ký thỏa thuận hợp tác làm Đại lý Phân phối với các công ty chứng khoán lớn và sẽ triển khai chính thức trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, công ty VFM sẽ phối hợp với các Đại lý Phân phối để sớm đưa tiện ích giao dịch online đối với giao dịch quỹ mở cho nhà đầu tư, đồng thời tăng tần suất giao dịch của các quỹ để tăng tính thanh khoản, giúp nhà đầu tư linh động trong việc lựa chọn các khoản đầu tư. Bên cạnh đó, công ty VFM sẽ tập trung phát triển vào mạng lưới đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở là các ngân hàng thương mại trong nước & ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu giao dịch của số lượng lớn nhà đầu tư cho các sản phẩm quỹ mở, và hướng đến việc ra đời, phát triển các sản phẩm quỹ ETFs.

Các Đại lý Phân phối chỉ định chính thức cho các Quỹ hiện nay như sau:

Tên Đại lý Phân phối	VF1	VF4	VFA	VFB	Trụ sở chính	Chi nhánh
<b>Công ty CP Quản lý Đầu tư Việt Nam - VFM</b>	✓	✓	✓	✓	Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, Tp.HCM Tel: (08) 3825 1488 - Fax: (08) 3825 1489	
<b>Công ty CPCK Hồ Chí Minh - HSC</b>	✓	✓	✓	✓	Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3823 3299 - Fax: (08) 3823 3301	Lầu 4-5, tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (04) 3933 4693 - Fax: (04) 3933 4822
<b>Công ty CPCK KIS Việt Nam - KIS</b>	✓	✓	✓	✓	Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM. Tel: (08) 3914 8585 - Fax: (08) 3821 6898	Tầng 6, Tòa nhà CTM, số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Tel: (04) 3974 4448 - Fax: (04) 3974 4501
<b>Công ty CPCK Bản Việt - VCSC</b>	✓	✓	✓	✓	Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 02 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3914 3588 - Fax: (08) 3914 3209	Tòa nhà capital, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (04) 6262 6999 - Fax: (04) 6278 2688
<b>Công ty CPCK Rồng Việt - VDSC</b>	✓	✓	✓	✓	Tòa nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 6299 2006 - Fax: (08) 6291 7986	
<b>Công ty CPCK Sài Gòn - SSI</b>	✓	✓			72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3824 2897 - Fax: (08) 3824 2997	1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (04) 3936 6321 - Fax: (04) 3936 6311
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - VCBS</b>	✓	✓			Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Tel: (04) 3936 6426 - Fax: (04) 3936 0262	Lầu 1 và Lầu 7, tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM Tel: (08) 3820 8116 - Fax: (08) 3820 8117
<b>Công ty CPCK VIỆT - VSC</b>	✓				Tầng 3, 117 đường Quang Trung, Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An Tel: 0383. 837606 - Fax: 0383. 588271	
<b>Công ty CPCK NH Sài Gòn Thương Tín - SBS</b>	✓	✓			278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM Tel: (08) 6268 6868 - Fax: (08) 6255 5939	Tầng 6-7, 88 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (04) 39 42 80 76 - Fax: (04) 39 42 80 75
<b>Công ty CPCK FPT - FPTS</b>	✓	✓	✓	✓	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội Tel: (04) 3773 7070 - Fax: (04) 3773 9058	Tầng 3, Tòa nhà Bến Thành Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 6290 8686/ 3915 2626 - Fax: (08) 6291 0607
<b>Công ty CPCK An Bình (*) - ABS</b>	✓	✓	✓	✓	Số 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội Tel: (04) 3562 4626 - Fax: (04) 3562 4628	P201, Tòa nhà Smart View, 161A-163-165 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3838 9655 - Fax: (08) 3838 9656
<b>Công ty CPCK Dầu khí (*) - PSI</b>	✓	✓	✓	✓	Tầng 2, Tòa nhà Hanoitourist, Số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: (04) 3934 3888 - Fax: (04) 3934 3999	<b>Tại Tp.HCM</b> Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3914 6789 - Fax: (08) 3914 6969 <b>Tại Tp. Vũng Tàu</b> Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu Tel: (064) 625 4520/22/23/24/26 Fax: (064) 625 4521
<b>Công ty CP chứng khoán VNDIRECT (*) - VND</b>	✓	✓	✓	✓	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Tel: (04) 3972 4568 - Fax: (04) 3972 4600	Lầu 8, Tòa nhà THE 90th PASTEUR, số 90 Pasteur, Quận 1, Tp.HCM Tel: (08) 3914 6925 - Fax: (08) 3914 6924

(\*) Đang triển khai làm đại lý phân phối trong năm 2014



# SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

Bước vào thập niên thứ 2 trong quá trình hoạt động và phát triển, công ty VFM đã hoàn tất việc chuyển đổi các quỹ đóng sang loại hình quỹ mở, thành lập và phát hành quỹ trái phiếu dạng mở ra công chúng. Với loại hình này, công ty VFM hướng đến sự mở rộng mạnh mẽ mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước, tăng quy mô và hiệu quả của quỹ, tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng hơn cho nhà đầu tư trong thời gian tới.

Một số sản phẩm quỹ mở do công ty VFM quản lý:

	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	Quỹ Đầu tư DN Hàng đầu Việt Nam (VF4)
	<b>Mã quỹ: VFMVF1</b>	<b>Mã quỹ: VFMVF4</b>
<b>Ngày hoạt động quỹ mở:</b>	08/10/2013	16/12/2013
<b>Loại hình quỹ:</b>	Quỹ cân bằng	Quỹ cổ phiếu
<b>Chiến lược đầu tư:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.</li> <li>• Quỹ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và chứng khoán nợ cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.</li> <li>• Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư cổ phiếu. Quỹ chủ yếu đầu tư vào các cổ phiếu tăng trưởng với vốn hóa lớn và vừa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam.</li> <li>• Danh mục đầu tư của quỹ được xây dựng nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ.</li> <li>• Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.</li> </ul>
<b>Phân bổ tài sản</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn.</li> <li>• Tỷ trọng này có thể thay đổi ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ đầu tư VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ.</li> <li>• Các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) nếu có, trong điều kiện bình thường không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.</li> </ul>
<b>Tỷ suất lợi nhuận (31/12/2013):</b>	25,3%	27,7%
<b>Mức độ rủi ro:</b>	Trung bình	Cao
<b>Mức tham chiếu đánh giá kết quả đầu tư:</b>	80% dựa trên VN-Index và 20% dựa trên lãi suất của TPCP kỳ hạn 1 năm	VN-Index
<b>Chính sách cổ tức:</b>	Tái đầu tư	Tái đầu tư
<b>Tần suất giao dịch (*):</b>	Thứ Năm thứ 2 và 4 hàng tháng	Thứ Tư thứ 2 và 4 hàng tháng
<b>Ngân hàng giám sát:</b>	Standard Chartered Bank	Deutsche Bank Vietnam

(\*): Tần suất giao dịch này dự kiến thay đổi thành giao dịch hàng tuần kể từ tháng 4/2014, sau khi Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2013 của các quỹ thông qua.



Các sản phẩm quỹ của VFM được phân phối rộng rãi thông qua mạng lưới Đại lý phân phối là các công ty chứng khoán có uy tín trên toàn quốc hiện nay.

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFB)
<b>Mã quỹ: VFMVFA</b>	<b>Mã quỹ: VFMVFB</b>
18/04/2013	10/06/2013
Quỹ theo mô hình định lượng	Quỹ trái phiếu
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên thị trường. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khi thị trường có xu hướng giảm (trend following).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quỹ sẽ chọn lọc các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản cao để đầu tư. Tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu có thể đạt tới 100% khi thị trường thuận lợi và 0% khi thị trường bất lợi,</li> <li>• Khi thị trường bất lợi, quỹ sẽ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như Trái phiếu, tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ trọng đầu tư 100% vào chứng khoán nợ, bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, và các giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ</li> </ul>
0,8%	2,5%
Thấp	Rất thấp
Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm	Biến động lãi suất của TPCP kỳ hạn 1 năm
Tái đầu tư	Tiền mặt hoặc đơn vị quỹ
Thứ Sáu thứ 2 và 4 hàng tháng	Thứ Sáu hàng tuần
HSBC Vietnam	Deutsche Bank Vietnam

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NĂM 2014

Việc ban hành các Thông tư về hướng dẫn thành lập Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs) cũng như cho phép mô hình hoạt động công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ Bất động sản... trong năm 2013 hứa hẹn nhiều loại hình đầu tư và sản phẩm mới sẽ ra đời trong thời gian tới. Bên cạnh đó, với tinh thần chủ động tìm kiếm những công cụ đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư, công ty VFM xác định chiến lược mở rộng và phát triển các sản phẩm chuyên biệt mới trong năm 2014.



## QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC (ETFs)

Quỹ ETF VFMVN30 sẽ là quỹ ETF đầu tiên tại Việt Nam, do công ty VFM quản lý & phát hành ra công chúng trong năm 2014. Dự kiến sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia.

Quỹ ETF VFMVN30 thực hiện mô phỏng lại chỉ số VN30 do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và cung cấp. Tỷ trọng các cổ phiếu thành phần của danh mục của Quỹ ETF VFMVN30 do đó được xây dựng gần giống nhất với tỷ trọng trong danh mục chứng khoán trong rổ chỉ số VN30. Nhà đầu tư thay vì phải thực hiện mua/bán với từng cổ phiếu thì có thể thực hiện với toàn bộ rổ cổ phiếu của chỉ số mục tiêu thông qua việc mua/bán chứng chỉ quỹ đầu tư chỉ số.

Chứng chỉ Quỹ ETF sẽ được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên có thể được giao dịch như các cổ phiếu niêm yết khác đồng thời được giao dịch hoán đổi trực tiếp với Công ty quản lý Quỹ thông qua các Thành viên lập quỹ. Với quy mô lớn và phổ biến, chi phí thấp, biến động tương đương với thị trường, loại bỏ các yếu tố rủi ro do chọn sai cổ phiếu... Quỹ hoán đổi danh mục ETF đã và đang trở thành xu hướng thịnh hành nhất trong các hình thức đầu tư chứng khoán hiện nay.



## QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG

Ướm mầm ý tưởng từ năm 2006, công ty VFM đã nghiên cứu và giới thiệu mô hình sản phẩm Quỹ hưu trí bổ sung đến các tổ chức, doanh nghiệp với nhằm mục đích hỗ trợ các tổ chức này trong việc xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống nhân viên về lâu dài. Hiện nay, việc triển khai quỹ hưu trí bổ sung đã trở thành một yêu cầu cấp bách để đồng thời nâng cao quyền lợi hưu trí của người lao động và giải quyết vấn đề giảm gánh nặng cho hệ thống bảo hiểm xã hội hiện tại.

Với quỹ hưu trí bổ sung, chúng tôi cung cấp một sản phẩm kết hợp sự đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động nhằm cung cấp nguồn thu nhập bổ sung và gia tăng cho người lao động sau khi nghỉ hưu, bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí. Sản phẩm này đồng thời cũng là công cụ giúp người sử dụng lao động lưu giữ và gia tăng quyền lợi cho người lao động. Trong tình trạng hệ thống bảo hiểm xã hội đang gặp phải các vấn đề về huy động và chi trả, việc triển khai quỹ hưu trí bổ sung được coi là một bước đi mang tính tiền đề để xây dựng được hệ thống an sinh xã hội đa trụ cột, làm giảm gánh nặng cho hệ thống bảo hiểm xã hội và ngân sách nhà nước. Dựa trên nền tảng quỹ mở, chúng tôi đang tiếp tục hoàn thiện Quỹ hưu trí bổ sung với những tiện ích, quyền lợi tốt hơn cho doanh nghiệp cũng như người lao động. Với khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của Quỹ hưu trí bổ sung dự kiến được ban hành trong đầu năm 2014. Quỹ này sẽ được tiến hành thí điểm tại một số doanh nghiệp lớn trong QIII – QIV/2014.

# DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

Với phương châm đem lại nhiều tiện ích cho nhà đầu tư, công ty VFM đã cho ra đời Dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư từ năm 2007 bao gồm việc quản lý danh mục đầu tư do công ty VFM thực hiện hoạt động đầu tư và hoạt động quản lý danh mục đầu tư theo chỉ định. Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư do công ty VFM thực hiện đầu tư được xây dựng linh hoạt dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro của từng khách hàng. Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, đội ngũ đầu tư chuyên môn cao, công ty VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích chuẩn xác những biến động của thị trường để phục vụ tốt nhất mục tiêu đầu tư của từng danh mục ủy thác.



**Lợi ích mang lại cho nhà đầu tư khi tham gia sản phẩm này, bao gồm:**

- Giải pháp đầu tư được thiết kế chuyên biệt dành riêng cho từng nhà đầu tư.
- Tiết kiệm thời gian, tiền bạc, công sức.
- Tài sản được phân bổ đa dạng, phân tán rủi ro.
- Quy trình quản lý tài sản chuyên nghiệp nhất.
- Chính sách bảo mật thông tin nghiêm ngặt.

Một số danh mục tham chiếu mà công ty đã & đang triển khai:

Danh mục	Tối đa tăng trưởng giá	Tăng trưởng giá	Tăng trưởng giá và lợi nhuận	An toàn và lợi nhuận	Tối đa an toàn
<b>Mục tiêu đầu tư</b>	Tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc tăng giá của các cổ phiếu trong danh mục	Hướng tới việc tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc tăng giá của cổ phiếu nắm giữ, đồng thời hướng tới việc thu được lợi tức và trái tức của các khoản đầu tư	Hướng tới thu nhập cân bằng giữa lợi tức và trái tức với lợi nhuận thu được từ tăng giá chứng khoán đầu tư	Thu nhập chính xuất phát từ lợi tức của các khoản đầu tư bên cạnh mục tiêu về an toàn vốn	Đảm bảo an toàn vốn là mục tiêu hàng đầu bên cạnh việc thu lợi nhuận cao hơn mức tiền gửi ngân hàng
<b>Mức chấp nhận rủi ro tối đa (% vốn ủy thác)</b>	30%	20%	15%	5%	0%

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo Tài chính của Quỹ Trái phiếu Việt Nam (VFB) đã được kiểm toán bởi **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**. Quý nhà đầu tư vui lòng xem Toàn văn báo cáo này trên website công ty VFM tại địa chỉ <http://vinafund.com/news.php?act=cat&id=9>

## **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam**

Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ và  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ  
ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 3
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo thu nhập	7
Báo cáo tình hình tài chính	8 - 9
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	10
Báo cáo danh mục đầu tư	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 38



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

### THÔNG TIN CHUNG

#### QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với tổng giá trị là 99.574.822.600 đồng, chiếm 199,15% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Sau đó, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 2.646.031,89 chứng chỉ với tổng giá trị là 26.460.318.900 đồng và mua lại 5.457.733,86 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 54.577.338.600 đồng. Quy mô vốn của Quỹ là 71.457.802.900 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quỹ không có nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ hai (2) lần một tháng vào ngày thứ Sáu thứ hai và ngày thứ Sáu thứ tư hàng tháng.

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

### THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu Chính phủ);
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng; trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao Dịch Chứng Khoán, và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau (trừ trái phiếu Chính phủ), trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định tại Điều lệ Quỹ;
- d) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- g) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- h) Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi và các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phái sinh). Tỷ trọng của các loại chứng khoán này không vượt quá 30% giá trị tài sản ròng của danh mục, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; và
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quý cũng như giám sát hoạt động của Quý. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quý.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là đại diện theo ủy quyền của Quý, thay mặt cho Quý để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quý một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quý theo quy định tại Điều lệ Quý, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quý.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 6 năm 2013
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Ngày 25 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên	Ngày 25 tháng 6 năm 2013

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Tân - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam - Công ty Quản lý Quỹ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quý.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 (ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại Diện Quỹ: 

  
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014



Số tham chiếu: 61070172/16531693

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 7 đến trang 38, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 (ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ***

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ theo như trách nhiệm và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định trong Điều lệ Quỹ và các quy định hiện hành.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho các quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP

cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-QM

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>01</b>	<b>I. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư</b>		<b>3.874.491.269</b>
03	1. Tiền lãi	12	4.264.102.228
04	2. Lỗ bán các khoản đầu tư	13	(871.515.069)
05	3. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5, 14	481.904.110
<b>10</b>	<b>II. Chi phí đầu tư</b>		<b>849.612.285</b>
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	96.661.207
13	2. Chi phí lãi vay	16	752.951.078
<b>20</b>	<b>III. Chi phí hoạt động Quỹ mở</b>		<b>1.109.588.875</b>
20.1	1. Phí quản lý Quỹ		432.437.570
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ		26.113.379
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát		45.959.549
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ		77.385.000
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		198.637.302
20.6	6. Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ		52.054.797
20.7	7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ		182.291.278
20.8	8. Chi phí kiểm toán		92.400.000
20.10	9. Chi phí hoạt động khác		2.310.000
<b>23</b>	<b>IV. Kết quả hoạt động đầu tư</b>		<b>1.915.290.109</b>
<b>24</b>	<b>V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác</b>		<b>9.069</b>
24.1	1. Thu nhập khác		9.069
<b>30</b>	<b>VI. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11</b>	<b>1.915.299.178</b>
31	1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.433.395.068
32	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		481.904.110
<b>40</b>	<b>VII. Chi phí thuế TNDN</b>		<b>-</b>
<b>41</b>	<b>VIII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>		<b>1.915.299.178</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo  
tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014  
để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với  
tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật  
và quy định pháp lý có liên quan và Hợp  
đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đinh Thị Thanh Thảo  
Giám đốc Nghiệp vụ



Bà Phạm Trần Thu Hà  
Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-QM

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN</b>		
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>22.439.069.777</b>
111	1. Tiền gửi ngân hàng		939.069.777
112	2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		21.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>50.416.500.000</b>
121	1. Các khoản đầu tư	5	50.416.500.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>723.637.937</b>
133	1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		723.637.937
136	1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		723.637.937
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>73.579.207.714</b>
<b>300</b>	<b>B. NỢ PHẢI TRẢ</b>		
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	22.773.640
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		14.494
316	3. Chi phí phải trả	8	200.483.100
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	9	90.153.775
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>313.425.009</b>
<b>400</b>	<b>C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỜ (C=A-B)</b>		<b>73.265.782.705</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	10	71.457.802.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		126.035.141.500
413	1.2 Vốn góp mua lại		(54.577.338.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	(107.319.373)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	1.915.299.178
<b>430</b>	<b>D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỜ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>10.253,01</b>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	18.1	7.145.780,29

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật và quy định pháp lý có liên quan và Hợp đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đinh Thị Thanh Thảo *ĐTT*  
Giám đốc Nghiệp vụ



Bà Phạm Trần Thu Hà *PTH*  
Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh *NMDK*  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-QM

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
I	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu kỳ</b>	-
II	<b>Thay đổi NAV trong kỳ</b>	<b>1.915.299.178</b>
	<i>Trong đó:</i>	
1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	1.915.299.178
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>71.350.483.527</b>
	<i>Trong đó:</i>	
1	- Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu	99.574.822.600
2	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	26.060.000.000
3	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(54.284.339.073)
IV	<b>NAV của Quỹ cuối kỳ</b>	<b>73.265.782.705</b>

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật và quy định pháp lý có liên quan và Hợp đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
 Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đinh Thị Thanh Thảo *Đ.T.T.*  
 Giám đốc Nghiệp vụ

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh *N.M.D.K.*  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Bà Phạm Trần Thu Hà *P.T.T.H.*  
 Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán



Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (%)
<b>I</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>500.000</b>	<b>100.833</b>	<b>50.416.500.000</b>	<b>68,52%</b>
1	TD1316019	500.000	100.833	50.416.500.000	
<b>II</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>			<b>22.439.069.777</b>	<b>30,50%</b>
1	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			21.500.000.000	
2	Tiền gửi ngân hàng			939.069.777	
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>723.637.937</b>	<b>0,98%</b>
1	Phải thu lãi đầu tư trái phiếu			635.068.493	
2	Phải thu lãi tiền gửi			88.569.444	
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>73.579.207.714</b>	<b>100,00%</b>

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014 để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật và quy định pháp lý có liên quan và Hợp đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
 Quỹ đầu tư Việt Nam



Bà Đinh Thị Thanh Thảo  
 Giám đốc Nghiệp vụ



Bà Phạm Trần Thu Hà  
 Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B05-QM

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11</b>	<b>1.915.299.178</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>		
02	Các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	14	(481.904.110)
03	Chi phí trích trước		290.636.875
<b>05</b>	<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.724.031.943</b>
06	Tăng các khoản đầu tư		(49.934.595.890)
08	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(723.637.937)
12	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		22.773.640
14	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		14.494
<b>19</b>	<b>Lưu chuyển tiền sử dụng trong hoạt động đầu tư</b>		<b>(48.911.413.750)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	125.634.822.600
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(54.284.339.073)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>71.350.483.527</b>
<b>40</b>	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>22.439.069.777</b>
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>-</b>
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>22.439.069.777</b>
	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		939.069.777
60	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		21.500.000.000
<b>61</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>22.439.069.777</b>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B05-QM

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo  
tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014  
để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với  
tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật  
và quy định pháp lý có liên quan và Hợp  
đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đinh Thị Thanh Thảo  
Giám đốc Nghiệp vụ



Bà Phạm Trần Thu Hà  
Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với tổng giá trị là 99.574.822.600 đồng, chiếm 199,15% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Sau đó, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 2.646.031,89 chứng chỉ với tổng giá trị là 26.460.318.900 đồng và mua lại 5.457.733,86 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 54.577.338.600 đồng. Quy mô vốn của Quỹ là 71.457.802.900 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quỹ không có nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh số 3.2*).

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo tình hình tài chính
2. Báo cáo thu nhập
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 (ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Sau kỳ kế toán đầu tiên này, năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 3.2 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế vào ngày giao dịch. Giá mua các khoản đầu tư không bao gồm các chi phí mua các khoản đầu tư. Chi phí mua các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư của báo cáo thu nhập ngay khi phát sinh. Các khoản đầu tư được đánh giá lại tại kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc cuối kỳ kế toán theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở và quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Phương pháp định giá như sau:



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam**  
**Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới ba (3) tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
<b>Trái phiếu</b>		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> </ul> </li> </ul>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
6.	Trái phiếu không niêm yết	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> </ul>
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá bình quân của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt được chấp nhận; hoặc</li> <li>- Trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Giá thị trường.
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Phân loại*

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

##### *Ghi nhận*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán (ngày T + 1 cho các chứng khoán là trái phiếu, ngày T + 3 cho các chứng khoán là cổ phiếu) là ngày kết thúc của quy trình mua bán chứng khoán khi Quỹ nhận được kết quả thanh toán bù trừ của Trung tâm Lưu ký Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) do Công ty Chứng khoán cung cấp hoặc của Tổ chức thanh toán bù trừ được ủy nhiệm (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

##### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Quyền mua cổ phiếu*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

##### *Các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

#### 3.3 Các hợp đồng bán và mua lại

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Thời hạn giao dịch của các hợp đồng bán và mua lại tối thiểu là hai (2) ngày và tối đa là một trăm tám mươi (180) ngày. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

#### 3.4 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

##### 3.4.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.4 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

##### 3.4.1 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

##### 3.4.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

##### 3.4.3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ hoặc đánh giá lại vào thời điểm cuối kỳ, bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ở thời điểm cuối kỳ.

##### 3.4.4 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

#### 3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

#### 3.7 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí đầu tư của Quỹ được hạch toán theo phương pháp dự chi. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ.

#### 3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### 3.9 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tại thời điểm cuối năm, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VNĐ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

##### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quý phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 và Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quý cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Quý có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

##### *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Công văn số 12501/BTC-CST ngày 20 tháng 9 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

Quý không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

#### 3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quý đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quý. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

#### 3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

#### 3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Đơn vị tính: VNĐ  
 Ngày 31 tháng 12  
 năm 2013

Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VNĐ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	21.500.000.000
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	939.069.777
	<b><u>22.439.069.777</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Khoản đầu tư của Quỹ bao gồm đầu tư vào các trái phiếu niêm yết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	<u>Chênh lệch đánh giá kỳ này</u>				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Trái phiếu niêm yết	<b><u>49.934.595.890</u></b>	<b><u>50.416.500.000</u></b>	<b><u>481.904.110</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>50.416.500.000</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Đơn vị tính: VNĐ  
 Ngày 31 tháng 12  
 năm 2013

<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	
Dự thu tiền lãi từ đầu tư trái phiếu	635.068.493
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	88.569.444
	<b><u>723.637.937</u></b>

**7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

Đơn vị tính: VNĐ  
 Ngày 31 tháng 12  
 năm 2013

Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	20.496.276
Phải trả cho các Đại lý phân phối	2.277.364
	<b><u>22.773.640</u></b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

*Đơn vị tính: VNĐ*  
*Ngày 31 tháng 12*  
*năm 2013*

Phải trả chi phí kiểm toán	92.400.000
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	83.698.800
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	13.500.000
Phải trả phí môi giới, giao dịch bán trái phiếu Chính phủ	10.884.300
	<hr/>
	<b>200.483.100</b>
	<hr/>

### 9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

*Đơn vị tính: VNĐ*  
*Ngày 31 tháng 12*  
*năm 2013*

Phải trả phí quản lý Quỹ	57.114.664
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	11.550.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.550.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	6.070.158
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	3.868.953
	<hr/>
	<b>90.153.775</b>
	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<i>Phát hành lần đầu</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số dư cuối kỳ</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	9.957.482,26	2.646.031,89	12.603.514,15
Giá trị ghi theo mệnh giá	99.574.822.600	26.460.318.900	126.035.141.500
Thặng dư vốn	-	(400.318.900)	(400.318.900)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	99.574.822.600	26.060.000.000	125.634.822.600
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	-	(5.457.733,86)	(5.457.733,86)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(54.577.338.600)	(54.577.338.600)
Thặng dư vốn	-	292.999.527	292.999.527
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	(54.284.339.073)	(54.284.339.073)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>9.957.482,26</b>	<b>(2.811.701,97)</b>	<b>7.145.780,29</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>99.574.822.600</b>	<b>(28.224.339.073)</b>	<b>71.350.483.527</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>-</b>	<b>1.915.299.178</b>	<b>1.915.299.178</b>
<b>NAV hiện hành</b>	<b>99.574.822.600</b>		<b>73.265.782.705</b>
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ</b>	<b>10.000,00</b>		<b>10.253,01</b>

**11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2013</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	1.433.395.068
Lợi nhuận chưa thực hiện	481.904.110
	<b>1.915.299.178</b>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

12. TIỀN LÃI

Đơn vị tính: VNĐ  
 Ngày 31 tháng 12  
 năm 2013

<b>Tiền lãi thực nhận</b>	<b>3.540.464.291</b>
Trái phiếu	2.250.410.959
Tiền gửi có kỳ hạn	1.228.843.439
Tiền gửi không kỳ hạn	61.209.893
<b>Tiền lãi dự thu</b>	<b>723.637.937</b>
Trái phiếu	635.068.493
Tiền gửi có kỳ hạn	88.569.444
	<b>4.264.102.228</b>

13. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VNĐ

Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Tổng giá trị bán trong kỳ</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lỗ bán trái phiếu trong kỳ</i>
Trái phiếu niêm yết	<b>81.772.316.438</b>	<b>82.643.831.507</b>	<b>(871.515.069)</b>

14. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VNĐ

Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá thị trường</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại</i>
Trái phiếu niêm yết	<b>49.934.595.890</b>	<b>50.416.500.000</b>	<b>481.904.110</b>



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

*Đơn vị tính: VND*  
*Cho giai đoạn từ ngày*  
*10 tháng 6 năm 2013*  
*đến ngày 31 tháng 12*  
*năm 2013*

Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	46.904.287
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	49.756.920
	<hr/>
	<b>96.661.207</b>

#### 15.1 Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư

*Đơn vị tính: VND*  
*Cho giai đoạn từ ngày*  
*10 tháng 6 năm 2013*  
*đến ngày 31 tháng 12*  
*năm 2013*

Trái phiếu	24.559.805
Các hợp đồng bán và cam kết mua lại	22.344.482
	<hr/>
	<b>46.904.287</b>

#### 15.2 Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư

*Đơn vị tính: VND*  
*Cho giai đoạn từ ngày*  
*10 tháng 6 năm 2013*  
*đến ngày 31 tháng 12*  
*năm 2013*

Các hợp đồng bán và cam kết mua lại	32.387.580
Trái phiếu	17.369.340
	<hr/>
	<b>49.756.920</b>

### 16. CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí lãi vay thể hiện chi phí mà Quỹ phải trả cho các hợp đồng bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ phát sinh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013			
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ	Tăng/(Giảm)
	VNĐ		tại ngày tính NAV VNĐ	NAV/1CCQ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 6	99.577.400.262	9.957.482,26	10.000,25	
Kỳ 2/Tháng 6	99.572.272.237	9.957.482,26	9.999,74	(0,51)
Kỳ 3/Tháng 6	99.567.125.298	9.957.482,26	9.999,22	(0,52)
Kỳ cuối tháng 6	95.398.205.263	9.537.727,16	10.002,19	2,97
Kỳ 1/Tháng 7	95.428.134.408	9.537.727,16	10.005,33	3,14
Kỳ 2/Tháng 7	94.901.455.441	9.537.727,16	9.950,11	(55,22)
Kỳ 3/Tháng 7	91.639.944.115	9.220.432,26	9.938,79	(11,32)
Kỳ 4/Tháng 7	91.766.658.228	9.220.432,26	9.952,53	13,74
Kỳ cuối tháng 7	88.098.806.944	8.903.015,18	9.895,39	(57,14)
Kỳ 1/Tháng 8	88.116.436.000	8.903.015,18	9.897,37	1,98
Kỳ 2/Tháng 8	83.415.047.140	8.903.015,18	9.369,30	(528,07)
Kỳ 3/Tháng 8	82.681.610.782	8.816.871,07	9.377,65	8,35
Kỳ 4/Tháng 8	87.938.417.950	8.816.871,07	9.973,88	596,23
Kỳ 5/Tháng 8	84.908.655.819	8.540.012,82	9.942,45	(31,43)
Kỳ cuối tháng 8	84.968.939.626	8.540.012,82	9.949,50	7,05
Kỳ 1/Tháng 9	85.062.342.549	8.540.012,82	9.960,44	10,94
Kỳ 2/Tháng 9	85.192.940.443	8.540.012,82	9.975,73	15,29
Kỳ 3/Tháng 9	84.758.348.698	8.522.191,11	9.945,60	(30,13)
Kỳ 4/Tháng 9	80.565.197.468	8.522.191,11	9.453,57	(492,03)
Kỳ cuối tháng 9	80.458.109.268	8.504.504,81	9.460,64	7,07
Kỳ 1/Tháng 10	85.308.872.962	8.504.504,81	10.031,02	570,38
Kỳ 2/Tháng 10	85.642.859.583	8.504.504,81	10.070,29	39,27
Kỳ 3/Tháng 10	85.673.640.967	8.480.582,08	10.102,33	32,04
Kỳ 4/Tháng 10	85.880.355.549	8.480.582,08	10.126,70	24,37
Kỳ cuối tháng 10	85.804.564.862	8.460.780,18	10.141,44	14,74

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

17. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	Cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013			
	NAV VNĐ	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/Giảm NAV/1CCQ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 11	85.725.091.070	8.460.780,18	10.132,05	(9,39)
Kỳ 2/Tháng 11	85.540.759.324	8.437.017,90	10.138,74	6,69
Kỳ 3/Tháng 11	85.605.240.956	8.437.017,90	10.146,38	7,64
Kỳ 4/Tháng 11	77.158.113.321	7.593.315,62	10.161,32	14,94
Kỳ cuối tháng 11	77.095.884.768	7.593.315,62	10.153,12	(8,20)
Kỳ 1/Tháng 12	77.152.046.936	7.593.315,62	10.160,52	7,40
Kỳ 2/Tháng 12	77.279.919.768	7.593.315,62	10.177,36	16,84
Kỳ 3/Tháng 12	72.868.159.218	7.145.780,29	10.197,36	20,00
Kỳ 4/Tháng 12	73.231.605.652	7.145.780,29	10.248,23	50,87
Kỳ cuối tháng 12	73.265.782.705	7.145.780,29	10.253,01	4,78
Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ	86.127.338.208	8.635.298,13	9.981,00	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất				596,22
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất				(0,51)



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 18. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

#### 18.1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Giá trị sổ sách  
Ngày 31 tháng 12  
năm 2013

Đến một năm

**7.145.780,29**

### 19. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

Ngày 31 tháng 12  
năm 2013

Tỷ lệ chi phí hoạt động (Thuyết minh 19.1)

2,49%

Tốc độ vòng quay danh mục (Thuyết minh 19.2)

221,56%

#### 19.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Do Quỹ được thành lập và hoạt động dưới một (1) năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 365 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ} * \text{thời gian Quỹ đã hoạt động (205 ngày)}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

#### 19.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) kỳ.

Do Quỹ được thành lập và hoạt động dưới một (1) năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) * 365 * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ} * \text{thời gian Quỹ đã hoạt động (205 ngày)}}$$

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### 20.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

#### 20.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Quý cũng là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có.

#### 20.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

#### 20.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.5 *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các trái phiếu Chính phủ niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ủy ban đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

### 21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### ***Tài sản tài chính***

- ▶ *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

#### *Tài sản tài chính* (tiếp theo)

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:* (tiếp theo)
  - b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
  - c) Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
- ▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc được phân loại lại là:

- a) Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ *Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:*
  - a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
    - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
    - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
    - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
  - b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết thu nhập.
- ▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**21. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền		
- Tiền gửi ngân hàng	939.069.777	939.069.777
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	21.500.000.000	21.500.000.000
Các khoản đầu tư		
- Trái phiếu Chính phủ	50.416.500.000	50.416.500.000
Các khoản phải thu	723.637.937	723.637.937
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.579.207.714</b>	<b>73.579.207.714</b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>		
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	22.773.640	22.773.640
Chi phí phải trả	200.483.100	200.483.100
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	90.153.775	90.153.775
<b>Tổng cộng</b>	<b>313.410.515</b>	<b>313.410.515</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chính phủ đã niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 3.2*.

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**22.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

a) Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý quỹ. Phí quản lý được tính hàng tháng bằng 0,9% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ cho năm tài chính.

*Đơn vị tính: VNĐ*  
 Cho giai đoạn từ ngày  
 10 tháng 6 năm 2013  
 đến ngày 31 tháng 12  
 năm 2013

Phí quản lý Quỹ

432.437.570

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

## Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

#### 22.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

##### b) *Phụ cấp Ban đại diện Quỹ*

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

*Đơn vị tính: VND*

*Cho giai đoạn từ ngày  
10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12  
năm 2013*

Thù lao Ban Đại diện Quỹ	58.500.000
--------------------------	------------

##### c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, bên liên quan nắm giữ chứng chỉ quỹ với số lượng cụ thể như sau:

	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3.800	0,05

#### 22.2 *Các hợp đồng then chốt khác*

##### *Ngân hàng Giám sát*

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 16.800.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng) và phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng).

*Đơn vị tính: VND*

*Cho giai đoạn từ ngày  
10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12  
năm 2013*

Phí giám sát	45.959.549
Phí lưu ký	26.113.379
Phí quản trị Quỹ	77.385.000
Phí Đại lý chuyển nhượng	198.637.302



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho giai đoạn từ ngày 10 tháng 6 năm 2013  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

B06-QM

**23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh  
Thành phố Hồ Chí Minh, đã ký vào báo cáo  
tài chính này vào ngày 10 tháng 3 năm 2014  
để xác nhận việc thực hiện các nghĩa vụ với  
tư cách là Ngân hàng Giám sát theo các luật  
và quy định pháp lý có liên quan và Hợp  
đồng Giám sát Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý  
Quỹ đầu tư Việt Nam

Bà Đinh Thị Thanh Thảo   
Giám đốc Nghiệp vụ



Bà Phạm Trần Thu Hà   
Giám đốc Dịch vụ Chứng Khoán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh   
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

## **KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VietFund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quỹ được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của những người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý bảo đảm những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



**VIETFUND**  
MANAGEMENT

**TRỤ SỞ CHÍNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point,  
02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Tel: (08) 3825 1488 Fax: (08) 3825 1489

Hotline: (08) 3825 1480

Email: [info@vinafund.com](mailto:info@vinafund.com)

Hỗ trợ: [ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com)

Website: [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)

**CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

Phòng 5A2, Tầng 5A, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải,  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (04) 3942 8168 Fax: (04) 3942 8169

Email: [vfmhanoi@vinafund.com](mailto:vfmhanoi@vinafund.com)